

# content

Tổng quan về Siam  
Thông điệp HDQT

## **BỨC TRANH MỚI**

Cơ cấu doanh thu  
Chỉ số tài chính nổi bật  
Chặng đường phát triển  
Thành tựu

## **KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ TIÊN PHONG**

Bức tranh thị trường  
Phân tích hoạt động  
Tái cấu trúc mô hình kinh doanh  
Các công nghệ quản lý đang áp dụng

## **TÁI CẤU TRÚC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

Sơ đồ tổ chức  
Thông tin cổ đông  
Hội đồng quản trị  
Ban điều hành  
Báo cáo của Hội đồng quản trị  
Báo cáo của Ban kiểm toán

## **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Báo cáo phát triển bền vững

## **KHẲNG ĐỊNH TẦM NHÌN**

Báo cáo tài chính

## **CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

SBVN: Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam  
HDQT: Hội đồng quản trị  
BGĐ: Ban Giám đốc  
TGĐ: Tổng Giám đốc  
HC-NS: Hành chính - Nhân sự  
CBCNV: Cán bộ công nhân viên  
HOSE: Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh  
BCTN: Báo cáo thường niên  
BCPTBV: Báo cáo Phát triển bền vững  
CSR: Corporate Social Responsibility - Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp  
KHKT: Khoa học kỹ thuật  
IT: CNTT - Công nghệ thông tin  
IUU: Illegal, Unreported, and Unregulated fishing - Các hoạt động đánh bắt cá bất hợp pháp, không có báo cáo và không được quản lý  
ERP: Enterprise Resource Planning - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp  
DMS: Distribution Management System - Hệ thống quản lý kênh phân phối  
QR Code: Quick Response code - Mã QR/Mã phản hồi nhanh  
R&D: Research & Development - Nghiên cứu & Phát triển  
HRM: Human Resource Management - Quản trị nguồn nhân lực



**SIAM Brothers®**  
VIET NAM

**Tên Công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM  
**Tên giao dịch đối ngoại:** SIAM BROTHERS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY  
**Tên viết tắt:** SBVN  
**Mã chứng khoán:** SBV  
**Địa chỉ:** Tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh  
**Địa chỉ Văn phòng đại diện:** Lầu 10, Tòa nhà PDD, 162 Pasteur, Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
**Điện thoại:** (028) 38 912 889  
**Fax:** (028) 38 912 789  
**Website:** www.siambrothersvn.com  
**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:** Mã số doanh nghiệp: 0300812161, đăng ký lần đầu ngày 07/07/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 22 tháng 01 năm 2018

**NGÀNH NGHỀ KINH DOANH TRONG GIẤY PHÉP**

| STT | TÊN NGÀNH   | MÃ NGÀNH |
|-----|---|----------|
| 1   | SẢN XUẤT CÁC LOẠI DÂY PP, DÂY PE, DÂY THÙNG BÈN DÙNG TRONG NÔNG, NGƯ NGHIỆP.  | 1324     |
| 2   | SẢN XUẤT CÁC PHỤ KIỆN, TRANG CỤ, TRANG THIẾT BỊ BẰNG NHỰA DÙNG TRONG NÔNG NGƯ NGHIỆP.   | 2220     |
| 3   | SẢN XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM MÁY TÍNH.   | 6201     |
| 4   | THỰC HIỆN QUYỀN NHẬP KHẨU, QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN PHÂN PHỐI BÁN BUÔN (không thành lập cơ sở bán buôn) các sản phẩm có mã HS (theo quy định của Biểu Thuế Xuất khẩu - Nhập khẩu) như sau: các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực ngư nghiệp: 5608, 5607, 8539, 8421, 8418, 3916, 3926, 3208; các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp: 8432, 8433, 8434, 8436, 5803. | 4699     |

Vốn điều lệ thực góp: 273.664.760.000 (Hai trăm bảy mươi ba tỷ, sáu trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

“**VỮNG** MỘT  
**NIỀM TIN**  
**BÈN** CÙNG SÓNG GIÓ  
**CHO MÙA BỘI THU**”



## TẦM NHÌN

Khát vọng của chúng tôi là không ngừng cải thiện đời sống của cộng đồng ngư dân trên mọi phương diện và kiến tạo một tương lai ngày càng tươi sáng hơn. Tầm nhìn của chúng tôi là xây dựng lên một thành phố cảng cá với một cảng cá hiện đại, các nhà máy xử lý thủy hải sản có khả năng tiếp nhận ngay lượng sản phẩm vừa đánh bắt về và đóng góp giá trị vào ngành thủy hải sản, giúp những sản phẩm làm ra được quảng bá tại thị trường trong nước và quốc tế ở một mức giá cạnh tranh hơn. Thành phố cảng cá này cũng sẽ có các cơ sở hạ tầng thiết yếu khác như trường học, bệnh viện, khu trung tâm mua sắm. Tất cả những yếu tố trên sẽ cống hiến vào sự đổi mới và cải thiện đời sống của cộng đồng nghề cá và cán bộ công nhân viên của Công ty. Tại cơ sở sản xuất, Công ty định hướng sẽ trở thành một công ty sản xuất theo mô hình mới, ứng dụng khoa học công nghệ cao trong mọi hoạt động từ sản xuất đến quản trị, phát huy tối đa hiệu suất làm việc thông qua sự kết hợp mang tính chất tương hỗ cao của con người - công nghệ.

## SỨ MỆNH

Sứ mệnh của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam là trở thành nhà cung cấp hàng đầu đối với các công cụ sử dụng trong lĩnh vực ngư nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản và các mảng tiềm năng khác ở khu vực ASEAN và toàn cầu.

Là một nhà cung cấp hàng đầu đồng nghĩa với việc chúng tôi phải đạt được hiệu quả hoạt động xuất sắc, mang đến mức độ hài lòng của khách hàng cao nhất trong ngành bằng cách cung cấp những sản phẩm, dịch vụ và giải pháp chất lượng cao theo những phương thức sáng tạo và sinh

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI



lợi nhất, ngoài ra còn là hiệu quả hoạt động tài chính cao nhất và xây dựng được giá trị cao nhất cho cổ đông, xây dựng một môi trường làm việc năng động và đầy thách thức cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của mình.

## QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Công ty được thành lập năm 1995, đăng ký hoạt động với số vốn đầu tư là 6.097.000 USD, trong đó Vốn pháp định là 2.000.000 USD. Đến Tháng 7 năm 2008, Công ty đã thực hiện đăng ký lại doanh nghiệp và được UBND TP. HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu với Vốn điều lệ là 33.600.000.000 đồng (tương đương 2.100.000 USD). Công ty đã thực hiện chuyển đổi Công ty từ hình thức TNHH thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 80 tỉ đồng (4.480.000 USD) vào Tháng 9 năm 2009. Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 122.700.000.000 đồng (6.513.333 USD) vào tháng 6/2013 theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 do UBND TP. HCM cấp ngày 3/6/2013. Năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng Vốn điều lệ lên 163,4 tỉ đồng. Năm 2016, Công ty đã thực hiện tăng Vốn điều lệ lên 205,4 tỷ đồng. Năm 2017, công ty thực hiện tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên thành 273.664.760.000 đồng. Công ty đã thực hiện 7 đợt tăng vốn kể từ khi đăng ký chuyển đổi thành công ty cổ phần. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

### QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN CỦA CÔNG TY

| THỜI ĐIỂM TĂNG VỐN | VỐN ĐIỀU LỆ (TỈ ĐỒNG) |           |              | HÌNH THỨC TĂNG  | ĐƠN VỊ PHÊ DUYỆT / CẤP  |
|--------------------|-----------------------|-----------|--------------|---|---|
|                    | TRƯỚC KHI TĂNG        | TĂNG THÊM | SAU KHI TĂNG |   |   |
| Tháng 7/1995       |                       |           |              | Thành lập Công ty với vốn pháp định là 2.000.000 USD  | Ủy Ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư  |
| Tháng 7/2008       |                       |           | 33,6         | Đăng ký lại doanh nghiệp  | UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu)   |
| Tháng 9/2009       | 33,6                  | 46,4      | 80,0         | Chuyển đổi doanh nghiệp từ Công ty TNHH thành Công ty cổ phần, góp thêm vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới. | UBND TP. HCM (Giấy Chứng nhận đầu tư số 411033000030 ngày 08/09/2009)                     |
| Tháng 6/2013       | 80,0                  | 42,7      | 122,7        | Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu  | UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 ngày 3/6/2013)                        |
| Tháng 6/2015       | 122,7                 | 40,7      | 163,4        | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013 theo tỉ lệ 3:1.   | UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 5 ngày 30/6/2015)                       |
| Tháng 9/2016       | 163,4                 | 42        | 205,4        | Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng  | Giấy Chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 31/GCN-UBCK ngày 09/06/2016 của UBCKNN |
| Tháng 12/2017      | 205,4                 | 68,26     | 273,66       | Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2017 theo tỉ lệ 3:1.   | UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 9 ngày 22/01/2018)                      |

CEO



“Tại SBVN, chúng tôi nhận  
rõ rằng tốc độ mới là yếu tố cốt lõi  
trong thời đại 4.0, chứ không còn là tầm vóc”.

## Kính thưa Quý Cổ đông,

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam (SBVN), tôi xin kính gửi lời chào trân trọng đến Quý vị Cổ đông, Quý vị Khách hàng và các Đối tác thân thiết của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam.

Kính Thưa Quý vị!

Với tròn 25 năm hoạt động kinh doanh sản phẩm dây thừng dành cho ngành đánh bắt cá tại Việt Nam, các sản phẩm dây thừng mang thương hiệu Con Gà và Hải Mã đã trở thành hình ảnh thân thuộc của mỗi chuyến ra khơi, góp phần mang về những mẻ tôm cá nặng trĩu, đóng góp một phần vào cuộc sống ấm no của những người ngư dân lênh đênh đầu sóng ngọn gió ở suốt 28 tỉnh, thành duyên hải của Tổ Quốc.

Tuy nhiên, tài nguyên thiên nhiên là hữu hạn, toàn cầu cũng đang đối mặt với nhiều rủi ro đến từ biến đổi khí hậu đến từ việc khai thác tài nguyên quá độ, do đó các tổ chức lớn của thế giới đã đặt ra nhiều giải pháp để kiểm soát và cải thiện tình hình. Tuy nhiên, các biện pháp này đã tác động không nhỏ đến tình hình đánh bắt tại Việt Nam, cộng thêm sự thay đổi của nguồn cá trong tự nhiên, năm 2019 vẫn tiếp tục chứng kiến sự khó khăn của hoạt động đánh bắt nói chung, kéo theo một phần doanh thu của SBVN sụt giảm. SBVN - một doanh nghiệp với định hướng doanh nghiệp xanh, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường nhìn thấy rõ điều này, và đã xác định một tầm nhìn dài hạn không chỉ ở thời điểm hiện tại, mà ngay lúc này đã đang chứng minh được hiệu quả của tầm nhìn đó. Kết quả của năm 2019 đã chứng minh được định hướng đúng đắn của Công ty, bởi bên cạnh sản phẩm chính là dây thừng dùng cho đánh bắt cá, các sản phẩm dùng cho các mảng khác như lưới, nông nghiệp, nuôi trồng, an toàn, v.v. đã giúp Công ty trụ vững trong bối cảnh này.

Bên cạnh việc đa dạng hóa sản phẩm và thị trường, sử dụng công nghệ cao - xu hướng của thời đại 4.0 cũng đã giúp SBVN khẳng định vị thế của mình ngày càng vững chắc. Chúng tôi đang đầu tư mạnh mẽ vào các công nghệ hỗ trợ nâng cao hiệu suất làm việc, tăng cường hỗ trợ hoạt động kinh doanh không chỉ tại trụ sở, tại nhà máy, mà còn tại mọi điểm bán hàng trên khắp cả nước. Và để đảm bảo hiệu quả của các hệ thống đó, đội ngũ nhân sự cũng được thay đổi, cơ cấu lại một cách phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, cho đến hiện tại, có thể xem như nền tảng của một doanh nghiệp 4.0 đã được thiết lập để kịp đón những ngọn sóng tiếp theo của xu thế. Tại SBVN, chúng tôi nhìn nhận rõ rằng tốc độ mới là yếu tố cốt lõi trong thời đại 4.0, chứ không còn là tầm vóc.

Được khích lệ từ những kết quả ban đầu, chúng tôi vững tin rằng con đường mình đã chọn đi là đúng đắn, không chỉ cho Công ty, mà còn cho khách hàng, cho cổ đông, và cho hành tinh mà chúng ta đang sống.

Một lần nữa, tôi thay mặt các thành viên HĐQT, xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác vì đã luôn đồng hành cùng Công ty, và xin cam kết tăng trưởng và phát triển công ty một cách bền vững nhất, mang đến lợi ích cao nhất cho Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác của Siam Brothers Việt Nam.

Trân trọng,

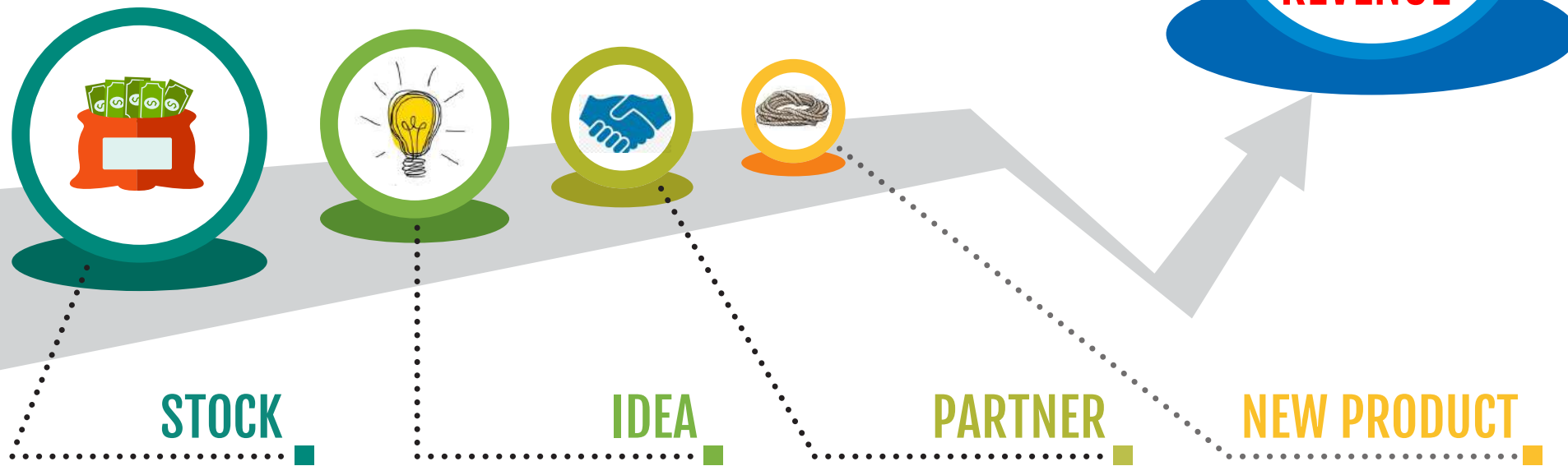
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**VEERAPONG SAWATYANON**

# BỨC TRANH MỚI



**2019** LÀ CỘT MỐC ĐÁNH DẤU SỰ THÀNH CÔNG TRONG CHIẾN LƯỢC TÁI CẤU TRÚC DOANH THU MÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÙNG BAN GIÁM ĐỐC ĐÃ ĐỀ RA VÀ CÓ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRONG 2 NĂM VỪA QUA.



## STOCK

Khi chọn niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Ban Lãnh Đạo đối diện với áp lực đảm bảo sự ổn định của doanh thu và lợi nhuận cho cổ đông, nhưng việc doanh thu sụt giảm sau khi EC chính thức đưa ra cảnh báo thẻ vàng trong vấn đề chống đánh bắt hải sản bất hợp pháp (IUU) đối với Việt Nam đã đặt công ty vào tình thế rất khó khăn. Trước tình hình đó, những thuyền trưởng của con tàu Siam đã đưa ra một quyết định táo bạo, lên kế hoạch chi tiết để tấn công vào một số lĩnh vực mà sản phẩm công ty có thể áp dụng được, thuyết phục thị trường mới chấp nhận sử dụng dây thừng thay thế các phương pháp truyền thống.

## IDEA

Bắt đầu từ ý tưởng, lên kế hoạch thử nghiệm sản xuất, chuyển đổi máy móc để hạn chế việc đầu tư mới, tận dụng công suất sẵn có, tiếp thị giới thiệu sản phẩm, thuyết phục khách hàng, những sản phẩm dây phục vụ nông nghiệp lần đầu tiên gia nhập thị trường từ quý 4 2018, đến hết năm 2019 đã được các công ty lớn trong ngành tin tưởng và sử dụng, sản lượng đã chiếm một tỷ trọng ấn tượng trong tổng doanh thu của Siam Brothers trong năm vừa qua.

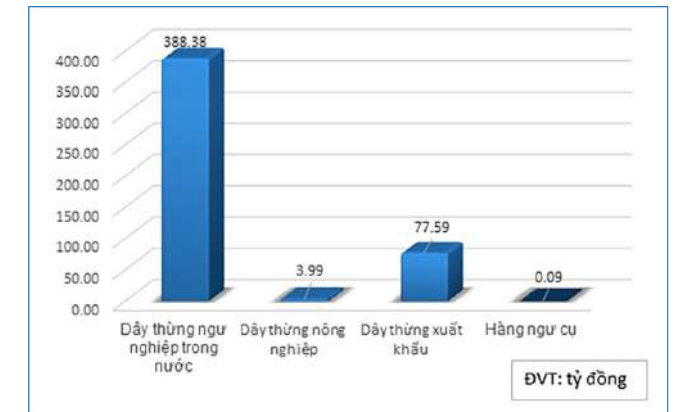
## PARTNER

Nhận thấy nhu cầu lớn về việc sử dụng dây thừng cho các lĩnh vực khác, công ty đã mạnh dạn giới thiệu sản phẩm chất lượng cho các đối tác nước ngoài, được khách hàng tin tưởng và sử dụng, công ty đã ký hợp đồng xuất khẩu cung cấp hơn 1500 tấn dây trong năm 2019, và cũng đã đạt được thỏa thuận cho sản lượng cung cấp cho năm 2020. Lần đầu tiên trong 20 năm xây dựng và phát triển, sản phẩm xuất khẩu của công ty được tiêu thụ với sản lượng lớn mà không phục vụ cho ngành nghề truyền thống là ngư nghiệp, điều này đã tạo niềm tin vững chắc cho Công ty trong việc tiếp tục khai thác các thị trường tiềm năng khác.

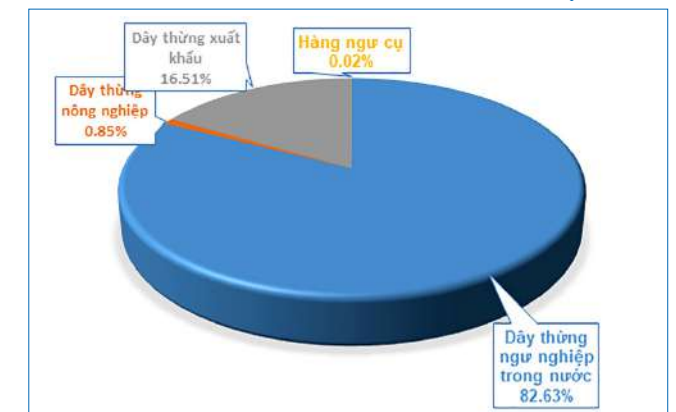
## NEW PRODUCT

Với mục tiêu trở thành nhà cung ứng hàng đầu về hậu cần nghề cá, trong năm vừa qua Công ty cũng đã giới thiệu ra thị trường một số sản phẩm mới do công ty sản xuất và phân phối như khay nhựa, dầu nhớt chuyên dụng phục vụ tàu thuyền, bơm chìm, lưới đánh cá... Những sản phẩm này tuy mới được triển khai nhưng cũng đã được sự đón nhận của bà con ngư dân, bước đầu tạo được thành công nhất định.

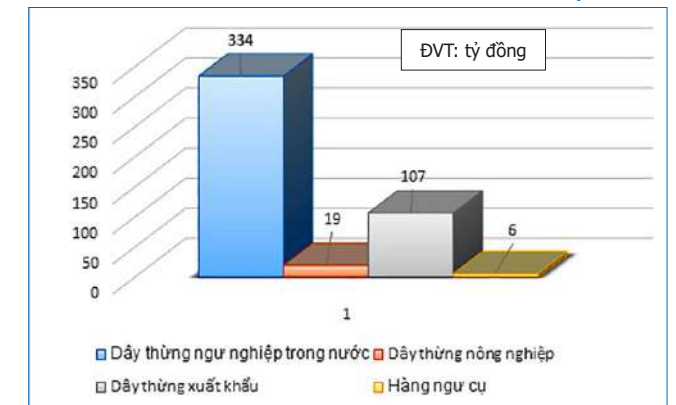
CƠ CẤU DOANH THU 2018 THEO GIÁ TRỊ



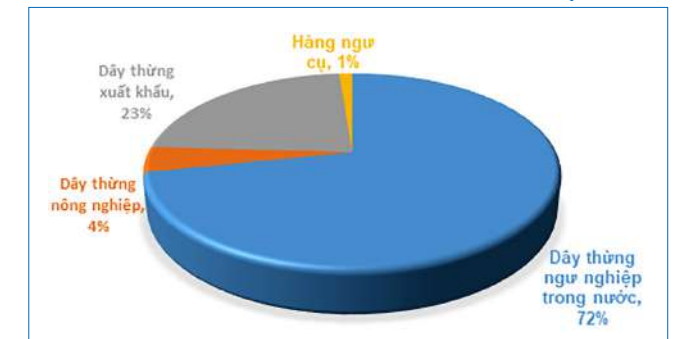
CƠ CẤU DOANH THU 2018 THEO TỶ TRỌNG



CƠ CẤU DOANH THU 2019 THEO GIÁ TRỊ

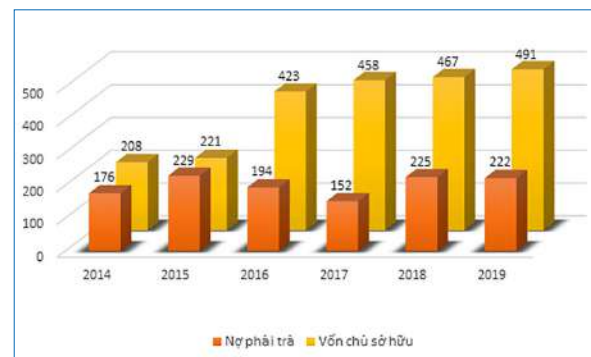
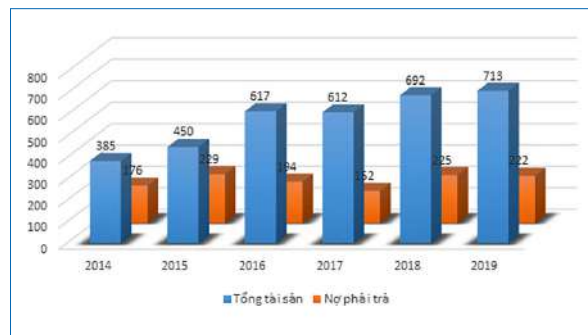


CƠ CẤU DOANH THU 2018 THEO TỶ TRỌNG



| CHỈ TIÊU                                       | DVT      | 2014       | 2015       | 2016       | 2017       | 2018       | 2019       |
|--|----------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| <b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>            |          |            |            |            |            |            |            |
|  | Tỷ đồng  |            |            |            |            |            |            |
| Doanh thu                                      |          | 374        | 462        | 503        | 525        | 470        | 466        |
| Doanh thu thuần                                |          | 373        | 461        | 503        | 524        | 469        | 465        |
| Lợi nhuận gộp                                  |          | 106        | 156        | 211        | 221        | 173        | 152        |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        |          | 52         | 87         | 122        | 129        | 62         | 67         |
| Lợi nhuận trước thuế                           |          | 53         | 85         | 124        | 129        | 62         | 67         |
| Lợi nhuận sau thuế                             |          | 43         | 82         | 107        | 113        | 52         | 57         |
| <b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>                    |          |            |            |            |            |            |            |
|  | Tỷ đồng  |            |            |            |            |            |            |
| Tài sản ngắn hạn                               |          | 207        | 285        | 469        | 401        | 428        | 422        |
| Tài sản dài hạn                                |          | 177        | 164        | 148        | 211        | 263        | 291        |
| Tổng tài sản                                   |          | 385        | 450        | 617        | 612        | 692        | 713        |
| Nợ phải trả                                    |          | 176        | 229        | 194        | 152        | 225        | 222        |
| Vốn điều lệ                                    |          | 163.4      | 163.4      | 205.4      | 273.6      | 273.6      | 273.6      |
| Vốn chủ sở hữu                                 |          | 208        | 221        | 423        | 458        | 467        | 491        |
| <b>SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH CUỐI KỲ</b> |          |            |            |            |            |            |            |
|  | Cổ phiếu | 16.340.000 | 16.340.000 | 16.340.000 | 27.366.476 | 27.366.476 | 27.366.476 |
| <b>LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>                |          |            |            |            |            |            |            |
|  | VND      | 2847       | 5047       | 5754       | 5199       | 1819       | 2088       |

Tổng tài sản của SBV cuối năm 2019 là 713 tỷ đồng tăng 3% so với năm trước. Tài sản ngắn hạn cuối năm 2019 giảm nhẹ 1.4% so với 2018 chủ yếu do lượng hàng tồn kho giảm, công ty đã có sự điều chỉnh lượng hàng tồn kho so với thời điểm cùng kỳ nhằm tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Công ty. Yếu tố chính làm tài sản dài hạn tăng 10% so với 2018 là SBV đã đầu tư thêm máy móc sản xuất dây nông nghiệp có giá trị cao, hiện nay các dây chuyền sản xuất dây nông nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định, đóng góp tỷ trọng đáng kể trong tổng doanh thu.

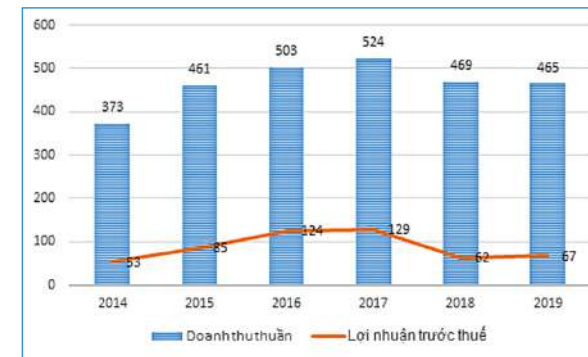


Tổng nợ phải trả cuối năm 2019 của SBV là 222 tỷ đồng, giảm 3 tỷ so với năm 2018. Nợ phải trả ngắn hạn giảm mạnh 10% là do trong năm Công ty đã tất toán các khoản thuê tài chính cũ và bắt đầu thuê tài trợ cho các dự án mới, các khoản nợ thuê tài chính mới đã thể hiện trong phần nợ dài hạn tăng gấp 10 lần so với thời điểm cùng kỳ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của SBV đạt được trong 2019 không cao so với các năm trước khi bị ảnh hưởng bởi thẻ vàng IUU, nhưng cũng có sự cải thiện đáng kể so với năm 2018, đặc biệt trong bối cảnh sản lượng bán hàng

nội địa tiếp tục sụt giảm, lợi nhuận chưa phân phối cuối năm 2019 tăng 29% so với năm 2018, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty, trong khi các chỉ số khác duy trì ổn định không có nhiều thay đổi.

Với tinh thần nỗ lực duy trì hoạt động SXKD qua giai đoạn khó khăn và tìm kiếm mọi cơ hội để phát triển, doanh thu năm 2019 của SBV tuy có sụt giảm nhẹ so với 2018 đạt 466 tỷ, tuy nhiên tỷ trọng sản phẩm đóng góp vào doanh thu có sự thay đổi đáng kể, làm giảm rủi ro khi doanh thu chỉ phụ thuộc vào thị trường ngư nghiệp như trong giai đoạn trước đây, tuy chỉ số lợi nhuận gộp không đạt như kỳ vọng do trong năm vừa qua công ty phải bố trí lại sản xuất cho phù hợp, nhưng Công ty đã thực hiện việc cắt giảm chi phí thành công, thực hiện lời hứa với cổ đông khi là doanh nghiệp tiên phong áp dụng phần mềm vào quản lý, dẫn đến lợi nhuận trước thuế của công ty có sự tăng trưởng 8% so với 2018.



Siam Brothers Việt Nam đã trải qua 2 năm liên tục hoạt động trong điều kiện thị trường rất khó khăn khi toàn bộ ngành đánh bắt thủy sản gần như đóng băng để cơ cấu nhằm gỡ bỏ thẻ vàng IUU. Ban quản trị SBV đã nỗ lực áp dụng rất nhiều các biện pháp quản trị và tài chính để giảm thiểu các tác động tiêu cực, đặc biệt đảm bảo dòng tiền cho hoạt động, SBV vẫn có dòng tiền dương từ hoạt động sản xuất kinh doanh, bức tranh tài chính vẫn rất lành mạnh nhờ tích lũy và gìn giữ được các nguồn lực tài chính mạnh trong giai đoạn phát triển của mình.

| CHỈ TIÊU   | DVT | 2017 | 2018  | 2019 | % tăng giảm |
|--|-----|------|-------|------|-------------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>             |     |      |       |      |             |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/DT                      | %   | 21.5 | 11.12 | 12.3 | 11          |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)    | %   | 24.6 | 11.19 | 11.6 | 3.6         |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)      | %   | 18.4 | 7.5   | 8.0  | 6.6         |
| Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kd/ Doanh thu thuần | %   | 24.6 | 13.32 | 14.4 | 8.1         |

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 không cao so với các giai đoạn trước, tuy nhiên vẫn có sự tăng trưởng so với năm 2018. Kết quả này phản ánh những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và CBCNV Siam Brothers VN để có được thành công trong năm 2019. Mặc dù chịu áp lực của sự sụt giảm nhu cầu thị trường truyền thống trong nước, sức ép cạnh tranh từ các đối thủ cùng ngành, Siam Brothers vẫn giữ vững vị thế dẫn đầu thị trường và là sự lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng, luôn cam kết cao nhất về chất lượng sản phẩm.

Một thành công mang tính chiến lược của Siam Brothers trong năm 2019, đó chính là chiến dịch tiến ra thị trường nước ngoài và giảm dần sự ảnh hưởng của thị trường truyền thống trong cơ cấu doanh thu. Không thể phủ nhận rằng thành công ngày hôm nay của Siam Brothers VN hoàn toàn là do đóng góp từ mạng cung cấp dây thừng cho ngành ngư nghiệp, nhưng với xu thế phát triển mới, SBV cần tự hoàn thiện bản thân mình, làm sao tận dụng được hết công suất máy móc đầu tư, hướng đến phục vụ nhiều đối tượng khách hàng hơn nữa, tạo thêm nhiều chân trụ trong hoạt động kinh doanh của công ty luôn là bài toán khó với Ban lãnh đạo. Và với các chiến lược kinh doanh hợp lý, song song áp dụng triệt để các chính sách tiết kiệm, cắt giảm chi phí, kiểm soát dòng tiền hiệu quả đã giúp SBV đạt được kết quả khả quan trong năm 2019.

| CHỈ TIÊU                               | DVT     | 2017 | 2018 | 2019 | % tăng giảm |
|--|---------|------|------|------|-------------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> |         |      |      |      |             |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)  | lần     | 2.6  | 1.93 | 2.1  | 8.8         |
| Hệ số thanh toán nhanh                 | lần     | 2.05 | 1.13 | 1.6  | 41          |
| TSLB - Hàng tồn kho                    | tỷ đồng | 56   | 115  | 101  | -12         |
| Nợ ngắn hạn                            | tỷ đồng | 152  | 222  | 200  | -10         |

Trong tình hình ngành ngư nghiệp trong nước tiếp tục gặp khó khăn trong việc tái sắp xếp để có thể gỡ bỏ thẻ vàng IUU, Siam Brothers VN bằng nỗ lực của Ban lãnh đạo và CBCNV vẫn duy trì được tình hình tài chính an toàn, có thể dẫn quay lại tình trạng ổn định cao như trước đây. Chỉ số thanh toán ngắn hạn tăng lên mức 2.1, gấp ... so với cùng kỳ. Chỉ số thanh toán nhanh vượt qua mức 1.5, cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng việc chuyển hóa tài sản ngắn hạn bằng tiền mà không cần bán đi hàng tồn kho. Đạt được điều này do Công ty đã có kế hoạch quản lý dòng tiền khá tốt, tuy nhiên Công ty cũng đang gặp khó khăn do khoản chênh lệch giữa thuế Giá trị gia tăng đầu vào và Giá trị gia tăng đầu ra ngày càng tăng cao nhưng công ty không thể làm thủ tục hoàn, chỉ được khấu trừ theo như quy định của thuế.

## CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

Nếu như luật thuế GTGT sửa đổi được thông qua cho phép công ty được xử lý phần thuế giá trị gia tăng được khấu trừ này, dòng tiền của Công ty sẽ được cải thiện đáng kể.

| CHỈ TIÊU                              | ĐVT | 2017 | 2018 | 2019 | % tăng giảm |
|---------------------------------------|-----|------|------|------|-------------|
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>         |     |      |      |      |             |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản                 | lần | 0.25 | 0.33 | 0.31 | -6.06       |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu               | lần | 0.34 | 0.48 | 0.45 | -6.25       |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b> |     |      |      |      |             |
| Vòng quay hàng tồn kho                | lần | 6.29 | 3.44 | 2.88 | -16.2       |
| Vòng quay khoản phải thu              | Lần | 2.9  | 2.77 | 2.27 | -18.05      |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản          | lần | 0.85 | 0.68 | 0.65 | -4.4        |

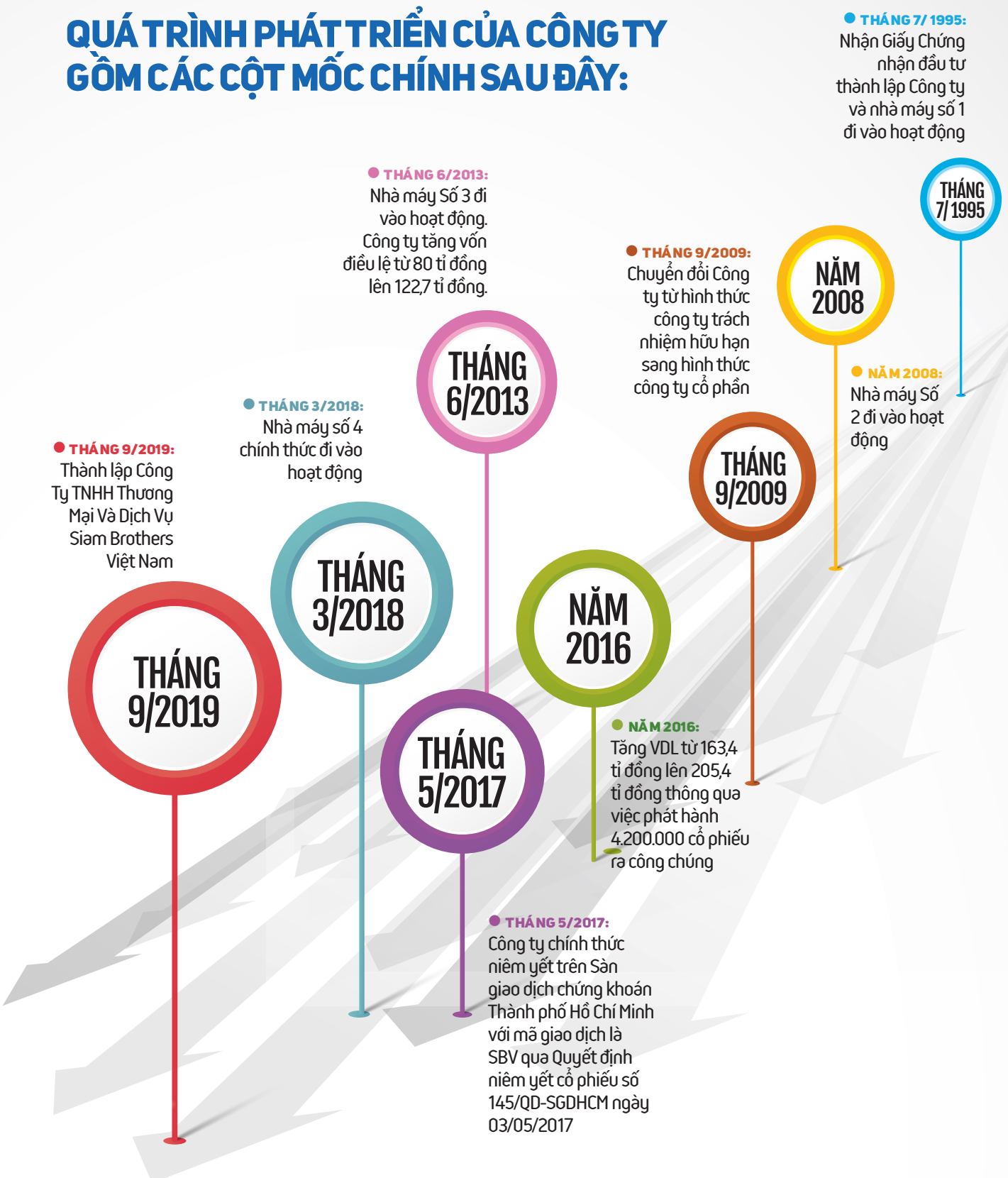
Trong những năm qua, mặc dù đối diện với rất nhiều khó khăn, doanh thu không đạt được như mục tiêu đề ra, nhưng Siam Brothers Việt Nam vẫn nỗ lực để duy trì các chỉ tiêu về cơ cấu vốn, năng lực hoạt động ở mức tốt và an toàn nhất có thể. Hệ số nợ/tổng tài sản đạt 0,31 lần và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đạt 0,45 lần so với cùng kỳ năm trước tương ứng là 0,33 lần và 0,48 lần. Công ty luôn cố gắng duy trì các chỉ số nợ ở mức an toàn nhất, không để chỉ số nợ/vốn chủ sở hữu vượt quá 0.5 ảnh hưởng đến tính ổn định của dòng tiền hoạt động.

Do thị trường khai thác thủy sản trong nước đang gặp khó khăn, cùng với việc công ty mở rộng danh mục sản phẩm qua các thị trường khác đã làm khoản phải thu tăng so với cùng kỳ, vòng quay khoản phải thu giảm 18% so với năm 2018, đạt mức 2.27 lần. Vòng quay hàng tồn kho cũng có xu hướng giảm trong năm 2019 ở mức 2.88 lần, nguyên nhân chủ yếu là do công ty tăng việc dự trữ nguyên vật liệu vào những tháng cuối năm. Giá vốn hàng bán những năm vừa qua cũng có xu hướng tăng do ảnh hưởng bởi đã tăng giá của nguyên vật liệu cũng đã góp phần làm cho vòng quay hàng tồn kho không đạt được mức tối ưu như các năm trước đó.

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Siam Brothers Việt Nam, được thành lập năm 1995 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 1321/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cấp ngày 18 tháng 07 năm 1995, với 100% vốn đầu tư của Công ty Siam Brothers Group – Thái Lan. Siam Brothers Group là nhà sản xuất hàng đầu về ngư lưới cụ tại Thái Lan, với gần 50 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất dây thừng, lưới đánh cá phục vụ cho ngành đánh bắt thủy, hải sản, vận tải biển, xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp...

Sau chặng đường hơn 20 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã đạt được những kết quả khả quan. Sản phẩm của Công ty được khách đánh giá cao và ngày càng ưa chuộng. Công ty có ba nhà máy đang hoạt động với tổng công suất trên 10.000 tấn sản phẩm một năm, được trang bị hệ thống dây chuyền sản xuất với công nghệ hiện đại nhất được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật Bản, Ấn Độ và Thái Lan. Nhà máy thứ tư đang trong quá trình hoàn thiện để đưa vào hoạt động với công suất thiết kế của toàn nhà máy mới là 4.000 tấn, nâng tổng công suất của toàn công ty lên đến 14.000 tấn từ giữa năm 2018. Hiện nay, Công ty là nhà sản xuất và cung cấp dây thừng đánh bắt cá hàng đầu tại Việt Nam, đồng thời đã mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang các mảng tiềm năng khác của nền kinh tế như nông nghiệp và nuôi trồng thủy hải sản. Ngoài ra, Công ty với định hướng phát triển tinh gọn, quản lý chặt chẽ nên đã cho ra đời Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Siam Brothers Việt Nam vào tháng 9/2019, có vốn 100% từ Công Ty Cổ Phần Siam Brothers Việt Nam (Vốn điều lệ: 10 tỷ đồng) là đơn vị thực hiện chính công tác mua bán của cả hệ thống, giúp các nhà máy tập trung vào hoạt động sản xuất, đồng thời nâng cao hiệu quả làm việc với khách hàng và tạo sự thuận tiện cho khách hàng khi không còn phải làm việc với nhiều đơn vị khác nhau.

## QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY GỒM CÁC CỘT MỐC CHÍNH SAU ĐÂY:





# THÀNH TỰU

Một trong những thành tích đáng ghi nhận và đã được SBVN duy trì bền vững từ tháng 3/2018 đến nay là chúng nhận thành viên của tổ chức SMETA-SEDEX, cung cấp bộ thông tin của Công ty liên quan đến

- TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG
- SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN
- MÔI TRƯỜNG
- ĐẠO ĐỨC KINH DOANH.

Điều này giúp cho thông tin của Công ty được minh bạch hơn và hỗ trợ cho các đơn hàng xuất khẩu được dễ dàng hơn bởi Sedex thúc đẩy việc chia sẻ thông tin của các thành viên để giảm bớt gánh nặng thủ tục đối với các nhà cung cấp khi giao dịch với nhiều nhà bán lẻ / khách hàng đòi hỏi phải đánh giá dữ liệu trách nhiệm xã hội, cho phép chia sẻ các thực hành tốt tại nơi đánh giá. Các thành viên của Sedex bao gồm các thương hiệu toàn cầu hàng đầu và hàng ngàn nhà cung cấp đã đăng ký ở hơn 150 quốc gia. Các cơ sở thành viên đang phát triển đáng kể mỗi tháng và số lượng sự quan tâm của khách hàng đối với Sedex ngày càng tăng.



Ngoài ra, Công ty cũng duy trì và thường xuyên đánh giá lại Chứng nhận ISO 9001:2015 để đảm bảo rằng các sản phẩm do mình làm ra đáp ứng các tiêu chuẩn về quản lý chất lượng sản phẩm ở cấp độ quốc tế, mang đến sự yên tâm cho người tiêu dùng khi sử dụng bất kỳ sản phẩm nào của Siam Brothers VN. Bên cạnh đó, trong năm 2019 Công ty cũng đã cải thiện nhiều yếu tố liên quan đến môi trường làm việc và đã được cấp Chứng nhận ISO 14001:2015 về tiêu chuẩn quản lý môi trường. Là một doanh nghiệp sở hữu nhiều nhà máy cùng nhiều máy móc công nghiệp, giấy chứng nhận này là một bằng chứng về sự lưu tâm của đội ngũ điều hành tới môi trường, đảm bảo giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường, tuân thủ đúng pháp luật, quy định và chính sách môi trường khác.



Riêng về mặt môi trường, do các nhà máy được đặt tại khu công nghiệp nơi ô nhiễm không khí, nguồn nước và đất xung quanh luôn ở mức cần kiểm soát, đồng thời một nhà máy vẫn đang nằm trong khu dân cư, nên yếu tố môi trường đặc biệt được chú ý cao hơn. Do vậy, trong năm 2019, để đảm bảo sự yên tâm cho nhà đầu tư và cộng đồng, SBVN đã nỗ lực để có được Giấy chứng nhận Zero Landfill – một mô hình hoạch định, tổ chức và quản lý nhiều hoạt động có liên quan đến việc tái sử dụng/tái chế một phần hoặc toàn bộ các sản phẩm đầu ra/nguyên vật liệu đầu vào sao cho lượng chất thải ra “bãi rác” là nhỏ nhất.



Ngoài khía cạnh sản phẩm, môi trường, dây chuyền sản xuất và năng lực chế tạo cũng đã được Công ty khẳng định qua việc tái đánh giá định kỳ và giữ vững Giấy chứng nhận VR được cấp bởi Cục Đăng kiểm Việt nam để đảm bảo năng lực cơ sở chế tạo và quy trình chế tạo của Công ty. Với Giấy chứng nhận VR, các sản phẩm của SBVN có thể dễ dàng được cung cấp cho các ngành đặc dụng, nơi có yêu cầu chặt chẽ đối với năng lực sản xuất của nhà cung cấp như ngành điện, an toàn hàng hải, v.v...

# KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ TIỀN PHONG



## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG NGƯ NGHIỆP NỘI ĐỊA

SIAM BROTHERS VIỆT NAM hiện đang cung cấp cho thị trường ngư nghiệp nội địa các mặt hàng dây thừng đánh cá (nhãn hiệu Con gà và Con Hải Mã), là nhà phân phối độc quyền tại Việt Nam của nhớt PTT dành cho tàu đánh cá, bơm chìm, khay cá, lưới...

Tính đến năm 2018, cả nước có 96.000 tàu cá trong đó có 46.491 tàu có chiều dài từ 6-12m, 8.914 tàu có chiều dài từ 12-15m, 27.484 tàu có chiều dài từ 15-24m, 2.958 tàu có chiều dài từ 24m trở lên. Tàu làm bằng gỗ chiếm 98,6%, còn lại là tàu làm bằng thép hoặc các vật liệu mới.

Số tàu lưới kéo đạt khoảng 19.170 chiếc, chiếm 20% tổng số tàu; số tàu lưới vây đạt 6.046 chiếc, chiếm 6,3%; có 31.688 tàu lưới rê, chiếm 33%; số tàu làm nghề câu là 13.258 chiếc, chiếm 13,8%; số tàu cá ngư đại dương là 2.433 tàu, chiếm 2,5%; số tàu khai thác mực là 2.873 tàu, chiếm 3%; tàu logistic đạt 3.175 tàu, chiếm 3,3%; tàu khai thác loại khác đạt 15.341 tàu, chiếm 16%.

Năm 2019 tiếp tục là một năm khó khăn của ngành khai thác, đánh bắt hải sản khi nhiều tàu cá nằm bờ, khai thác không hiệu quả. Thời gian qua, Luật thủy sản được triển khai, các giải pháp gỡ "thẻ vàng" của Ủy ban Châu Âu được thực hiện quyết liệt đã có những tác động đến hoạt động khai thác, đánh bắt hải sản, tình hình đánh bắt gặp nhiều khó khăn, sản lượng đánh bắt của các địa phương đa phần giảm. Số tàu cá nằm bờ vì đánh bắt thua lỗ ở các địa phương tăng cao, mà như theo lời nói của ngư dân trên các phương tiện truyền thông là "gần 20 năm qua nhưng chưa bao giờ thấy tình hình đánh bắt ảm đạm như năm nay".



Việc EU áp thẻ vàng IUU đã gây ra một số bất lợi không nhỏ trong hoạt động khai thác thủy sản, nhưng cũng có thể nhìn nhận đây là một cơ hội cho ngành thủy sản Việt Nam nhìn nhận lại thực trạng và có những biện pháp để hoạch định lại tình trạng khai thác hiện nay, tạo nền tảng cho việc phát triển bền vững trong tương lai. Tại các địa phương, việc chứng nhận sản phẩm khai thác đã được thực hiện tốt hơn; các cảng cá đã có bộ phận trực tiếp xuống giám sát, quản lý khai thác; số lượng tàu thuyền được lắp thiết bị hành trình đang tăng lên. Cho đến thời điểm này, đã có khoảng 75% số tàu trên 24m lắp thiết bị hành trình (hơn 2.000 chiếc) và 25% số tàu từ 15-24m. Gỡ bỏ thẻ vàng là ưu tiên trước mắt, nhưng để phát triển ngành thủy sản một cách bền vững cần có những biện pháp lâu dài, quản lý khai thác bất hợp pháp, ở đây không chỉ nhắc tới tàu bè đi khai thác tại các vùng biển không thuộc chủ quyền Việt Nam; không đánh cá đúng mùa vụ hay không sử dụng ngư lưới cụ cho phép; đánh cá vượt quá hạn ngạch quy định... mà trên hết, chúng ta phải kiểm soát, giám sát tốt hệ thống tàu thuyền, song song với khai thác, công tác bảo tồn và khôi phục nguồn lợi là hết sức quan trọng.

Hy vọng với những biện pháp "nghiêm khắc" được áp dụng, ngành khai thác thủy sản sẽ có những bước phát triển bền vững và mạnh mẽ, cũng tạo tiền đề cho những doanh nghiệp cung cấp hậu cần nghề cá như Siam Brothers VN có cơ hội vươn xa hơn trong ngành nghề đã gắn bó với Công ty trong hơn 20 năm qua.



## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG DÂY NÔNG NGHIỆP

Hiện nay, Siam Brothers Việt Nam tham gia vào thị trường dây nông nghiệp với một số sản phẩm chính: dây cột rơm, dây cột chuối, dây dùng trong nhà kính...

### THỊ TRƯỜNG DÂY CỘT RƠM

Theo ước tính Bộ Nông nghiệp, sản lượng rơm chiếm khoảng 70% sản lượng lúa, ước tính khoảng gần 30 triệu tấn/năm 2017.

Theo Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VAAS) và Viện Nghiên cứu Lúa gạo quốc tế (IRRI), trung bình hàng năm Việt Nam lãng phí 20 triệu tấn rơm (khoảng 60%).

Tổng sản lượng rơm có thể thu hoạch vào khoảng 33 triệu tấn, chủ yếu dùng trong chăn nuôi, trồng nấm & thanh long. Một số doanh nghiệp đã bắt đầu thu mua rơm để xuất khẩu sang các thị trường khác.

Nhận thấy tiềm năng cao từ thu hoạch rơm rạ, trong khi các loại dây cuộn rơm trên thị trường đều

có những ưu nhược điểm nhất định, nên đây là cơ hội cho Siam Brothers Việt Nam đưa sản phẩm dây cuộn rơm có thương hiệu vào thị trường.

### THỊ TRƯỜNG DÂY CỘT CHUỐI

Theo phê duyệt quy hoạch của bộ NN-PTNT, chuối là 1 trong 12 loại cây trồng chủ lực tại vùng Nam Bộ, chiếm 6% tổng diện tích quy hoạch cây ăn quả ở Nam Bộ và chiếm 11% tổng diện tích quy hoạch 12 loại cây ăn trái chủ lực, như vậy tiềm năng phát triển cây chuối sẽ kéo theo nhu cầu sản xuất dây chằng cột dây chuối. Nhận thấy tiềm năng thị trường, Siam Brothers Việt Nam bắt đầu nghiên



cứu sản phẩm dây thừng chuyên dụng dùng cho cây chuối từ năm 2018, thử nghiệm, đưa ra thị trường trong năm 2019 và nhận được sự ủng hộ của các khách hàng là các công ty và các trang trại lớn trong và ngoài nước.

### THỊ TRƯỜNG DÂY DÙNG CHO CÂY LEO VÀ NÂNG ĐỖ TRÁI (DÂY NHÀ KÍNH)

Theo khảo sát từ Công ty, tổng diện tích canh tác rau Lâm Đồng khoảng 19,479ha, diện tích gieo trồng năm 2017 đạt 61,307ha; trong đó nhóm rau ăn quả (như cà chua, cà tím, mướp, dưa leo, đậu cove, ớt chuông...) chiếm khoảng 32%, đây cũng là nhóm cây leo có dùng dây nông nghiệp để cây leo dàn hoặc đỡ trái. Thị trường dây dùng cho nhà kính đã có từ lâu, Công ty cũng gặp một số khó khăn nhất định khi gia nhập thị trường mới, nhưng Công ty tin rằng dây thừng mang thương hiệu Siam có những đặc điểm nổi trội nhất định về sản phẩm, với chiến lược giới thiệu sản phẩm mới được lên kế hoạch chi tiết sẽ được sự đón nhận của bà con nông dân.



## SẢN LƯỢNG XUẤT KHẨU DỰ KIẾN 2020

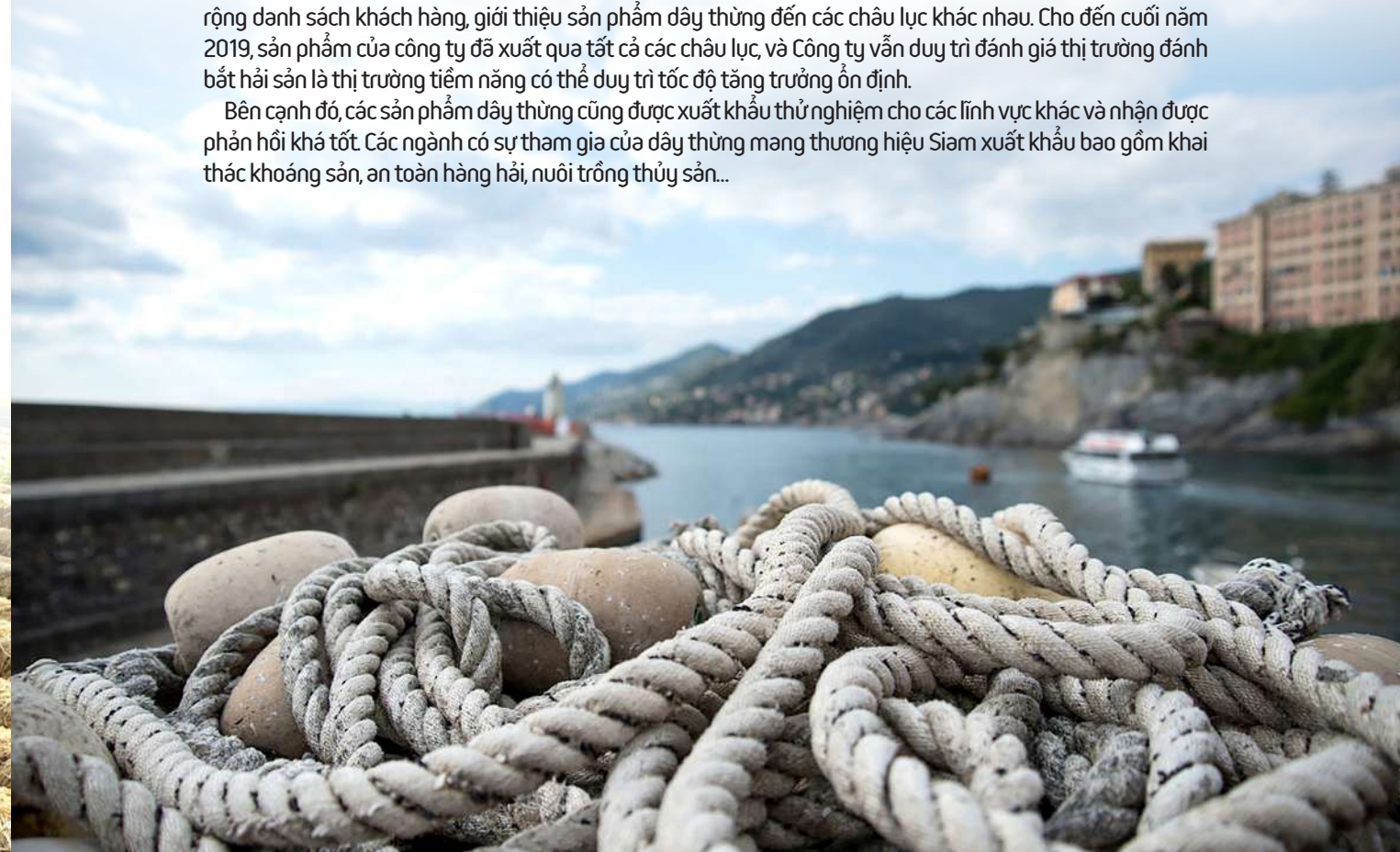


## ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG DÂY XUẤT KHẨU

Thị trường dây xuất khẩu của Siam Brothers Việt Nam được chia làm 2 phân khúc chính: xuất khẩu dây thừng dùng trong ngành ngư nghiệp, và xuất khẩu dây thừng phục vụ các ngành chuyên biệt khác.

Thị trường ngư nghiệp xuất khẩu vẫn là thị trường chính của Siam Brothers Việt Nam, các khách hàng truyền thống vẫn duy trì đơn đặt hàng với sản lượng ổn định hàng năm. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã mở rộng danh sách khách hàng, giới thiệu sản phẩm dây thừng đến các châu lục khác nhau. Cho đến cuối năm 2019, sản phẩm của công ty đã xuất qua tất cả các châu lục, và Công ty vẫn duy trì đánh giá thị trường đánh bắt hải sản là thị trường tiềm năng có thể duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định.

Bên cạnh đó, các sản phẩm dây thừng cũng được xuất khẩu thử nghiệm cho các lĩnh vực khác và nhận được phản hồi khá tốt. Các ngành có sự tham gia của dây thừng mang thương hiệu Siam xuất khẩu bao gồm khai thác khoáng sản, an toàn hàng hải, nuôi trồng thủy sản...



## HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ban Giám Đốc trong năm 2019 đã chú trọng hơn trong việc tổ chức mua hàng, nhằm đảm bảo tìm được nguồn nguyên liệu với chất lượng đảm bảo và giá cả cạnh tranh. Danh sách nhà cung cấp hạt nhựa trong năm vừa qua đã được bổ sung thêm một số Công ty mới giúp Siam Brothers Việt Nam chủ động hơn trong nguồn nguyên liệu đầu vào. Hạt màu chính và bao bì cũng đã tìm được những nhà cung cấp với chất lượng tốt hơn, đảm bảo hoạt động đầu vào của hoạt động sản xuất được ổn định.

Về hoạt động đầu tư, năm 2019 Công ty tiếp tục hoàn thiện các dây chuyền máy móc sản xuất dây nông nghiệp, số lượng máy móc cho đến cuối năm 2019:

| Nhà Máy | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH |      | Ghi chú khác                                    |
|---------|-----------------|------|---|
|         | 2018            | 2019 |   |
| 1       | 112             | 115  | Thêm 3 máy ép sợi (thay thế máy cũ)             |
| 2       | 55              | 57   | Thêm 2 máy ép sợi (thay thế máy cũ)             |
| 3       | 61              | 86   | Thêm 2 Cell PE và bùng nhùng                    |
| 4       | 35              | 60   | Đang hoàn thiện các dây chuyền còn đang dang dở |
| Tổng    | 263             | 323  |   |

Sau khi hoàn thành nhà máy số 4 và hoàn thiện đầu tư máy móc, cũng như hoàn tất việc đầu tư vào hệ thống phần mềm quản lý, công ty không có khoản đầu tư nào lớn, chủ yếu là việc sắp xếp cơ cấu lại các máy móc hiện có để tận dụng nâng cao năng suất phục vụ việc sản xuất các mặt hàng mới đáp ứng nhu cầu kinh doanh thay đổi.

Về hoạt động quản trị công ty, Ban Lãnh Đạo trong năm 2019 đứng trước một áp lực rất lớn phải chứng minh với cổ đông về các quyết định đầu tư được đưa ra. Năm 2018, Công ty đã cho triển khai phần mềm quản lý doanh nghiệp và phần mềm quản lý bán hàng, điều này làm chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng tăng cao, Ban Giám Đốc khi đó đã cam kết là sẽ đưa chi phí quản lý giảm mạnh năm 2019, và toàn thể công ty đã phải nỗ lực thực hiện sự cam kết của mình với các nhà đầu tư.

Việc phân quyền các cấp phê duyệt trong việc quản lý giúp nhận diện và cắt giảm các chi phí không cần thiết, đồng thời phân bổ lại các nguồn lực giúp hoạt động hiệu quả tối ưu, các chi phí cho việc vận hành giảm dần và được duy trì ổn định trong suốt thời gian hoạt động của năm 2019. Phần mềm quản lý doanh nghiệp khi đã hoạt động ổn định trong năm 2019 đã giúp cho cơ sở dữ liệu được quản lý thông suốt, giúp cho Ban Giám Đốc có thể ra quyết định một cách nhanh chóng kịp thời, đồng thời cũng giúp quản lý chi phí hiệu quả

hơn, các bộ phận trong công ty cũng dễ dàng quản lý chi phí của phòng ban mình theo đúng khoản mục chi phí đã được Ban Giám Đốc phê duyệt từ đầu năm. Hoạt động của Công ty đảm bảo sự xuyên suốt, thống nhất giữa các bộ phận và ban lãnh đạo, từ đó giảm thiểu các phát sinh không cần thiết, và cũng giúp cho chi phí quản lý giảm hơn 20 tỷ so với năm 2018, đạt kế hoạch đề ra từ đầu năm.

## HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC SẢN XUẤT

Hoạt động sản xuất trong năm 2019 cũng đối mặt với một số thách thức khi phải nghiên cứu tận dụng chuyển đổi các máy cũ để sản xuất các sản phẩm mới. Việc chuyển đổi đã làm cho chi phí sản xuất tăng trong một số giai đoạn nhất định, vì để chuyển đổi bắt buộc phải tạm ngưng máy, và thời gian chạy thử sản phẩm mới phải chấp nhận phế phẩm tăng cao, nhưng sau khi đi vào hoạt động ổn định, chi phí sản xuất giảm nhanh làm tăng tỷ trọng lợi nhuận gộp ấn tượng vào quý 4 2019.

Thời gian máy dừng trong năm 2019 giảm so với năm 2018, nhờ vào việc áp dụng hệ thống quản lý theo dõi, và việc máy móc đã dần đi vào sản xuất ổn định. Hoạt động sản xuất có một số thuận lợi nhất định khi công nhân làm việc trong nhà máy phần lớn là nhân sự lâu năm hiểu rõ về

sản phẩm, các hoạt động TPM, Kaizen, 5S diễn ra thường xuyên đảm bảo máy móc thiết bị được vận hành tốt, nhà xưởng gọn gàng, sạch sẽ giúp việc vận hành thông suốt tạo nên hiệu quả cao trong sản xuất. Tuy nhiên, nhà máy cũng đối mặt với một số khó khăn, như máy móc ở nhà máy 1 đã cũ, dù được làm TPM thường xuyên nhưng vẫn không tránh khỏi những hư hỏng trong quá trình sản xuất dẫn đến phế phẩm và ảnh hưởng tiến độ sản xuất.

Nguyên vật liệu chủ yếu của công ty là nhựa PP, PE và các phụ gia khác, nên ngoài việc tạo ra sản phẩm chất lượng cao Siam Brothers VN còn chú trọng vào việc nâng cao hiệu quả sản xuất nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu nhựa, tiết kiệm năng lượng, từng bước thay thế các các loại máy móc thiết bị lạc hậu nhằm tăng năng suất và tiết kiệm năng lượng. Để tiết kiệm năng lượng điện, công ty đã từng bước thay đổi đốt nóng bằng điện trở chuyển qua sử dụng công nghệ đốt nóng bằng điện từ.

Về máy móc thiết bị công tác bảo trì bảo dưỡng luôn là mục tiêu của nhà máy nhằm đảm bảo thiết bị luôn sẵn sàng hoạt động. Các thiết bị hoạt động lâu năm và không hiệu quả, nhà máy mạnh dạn đề xuất BGD tiến hành đại tu hoặc thay thế nhằm hạn chế phát sinh các sản phẩm kém chất lượng đưa đến tay người tiêu dùng.



## NĂM 2019 ĐƯỢC XEM LÀ NĂM BẢN LỀ ĐÁNH DẤU SỰ THAY ĐỔI MÔ HÌNH KINH DOANH CỦA CÔNG TY CP SIAM BROTHERS VIỆT NAM TRONG SUỐT HƠN 20 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN.

### TÁI CẤU TRÚC HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Trong giai đoạn đầu mới thâm nhập vào thị trường Việt Nam, Công ty chưa xây dựng được hệ thống bán hàng theo chuẩn, khách hàng lúc đó chỉ là các khách hàng lớn, và thanh vi cạnh tranh với đối thủ, họ lại cạnh tranh thị phần lẫn nhau, tạo nên sự rối loạn thị trường, một số giai đoạn còn đòi hỏi chiết khấu và quyền lợi đặc biệt.

Đứng trước áp lực hàng hóa giá rẻ từ thị trường Trung Quốc, Malaysia tràn vào, Ban Lãnh Đạo vẫn kiên định đi theo định hướng đặt ra từ ban đầu là tập trung vào chất lượng sản phẩm, để người tiêu dùng khi nhắc đến Siam Brothers Việt Nam là cảm giác tin tưởng và an tâm. Công ty đã từng bước cơ cấu lại tệp khách hàng từ những năm 2012, giảm dần sự ảnh hưởng của các khách hàng lớn, tỷ trọng doanh thu do sự đóng góp của các khách hàng dần được cải thiện, với sự tham gia của các nhà phân phối khác, bức tranh phân phối của Công ty đã có sự thay đổi trong những năm vừa qua.

Tuy nhiên nhu cầu thị trường dây ngư nghiệp càng lúc càng thay đổi, những bước đi trong giai đoạn trước dường như an toàn thì nay lại không phù hợp với xu thế phát triển mới. Năm 2018, với vị thế của người tiên phong, Công ty đã đầu tư vào phần mềm quản lý bán hàng, với mục đích kiểm soát tốt hơn các đơn hàng, phục vụ các nhà phân phối được tốt hơn, thay đổi cách thức kinh doanh truyền thống từ các thể hệ trước chỉ quản lý hàng hóa bằng sổ sách chứng từ. Những cái mới thường không dễ tiếp cận, đặc biệt với đặc thù ngành ngư nghiệp thì việc áp dụng 4.0 vào quản lý lại càng khó khăn gấp nhiều lần. Công ty đã hoạch định một ngân sách trả thưởng cho nhà phân phối chịu áp dụng phần mềm quản lý, tạo thêm động lực cho những bước chuyển nhanh trong giai đoạn sắp tới. Bước sang năm 2019, hệ thống quản lý bán hàng đã được các nhà phân phối chấp nhận và đưa vào sử dụng, tuy vẫn có những điểm chưa phù hợp nhưng Công ty đã tiếp thu và chỉnh sửa dần, tạo tiền đề cho việc phát triển hệ thống phần mềm trong các giai đoạn tiếp theo, với phương châm tất cả các yêu cầu của người tiêu dùng đều được đáp ứng nhanh và đầy đủ. Ngoài hệ thống quản lý bán hàng, trong những năm tiếp theo, Công ty sẽ tập trung phát triển những ứng dụng khác nhằm tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng.

Trong năm 2019, bên cạnh việc áp dụng công nghệ vào quản lý, Công ty cũng từng bước cơ cấu lại hệ thống phân phối theo hướng tập trung hơn. Vào những tháng cuối năm 2019, Công ty đã làm việc với các nhà phân phối theo hướng cũng nhau hợp tác thành lập nên các trung tâm phân phối, cải tiến mô hình kinh doanh cũ, với cơ chế quản lý và vận hành mới, tất cả đều vì mục tiêu đặt trọng tâm phục vụ là khách hàng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cũng như nâng cấp các hoạt động hậu mãi của Công ty.

Năm 2020, Công ty đặt mục tiêu hoàn thiện các trung tâm phân phối từ Bắc vào Nam, hoàn thiện hệ thống vận chuyển đảm bảo sự chủ động trong việc cung cấp hàng hóa cho khách hàng, đặc biệt khi cơ cấu sản phẩm của Công ty ngày càng đa dạng chứ không chỉ đơn thuần là một hàng dây thừng, Công ty cam kết đem đến những sản phẩm chất lượng phục vụ thị trường Việt Nam.

### THAY ĐỔI CƠ CẤU DOANH THU SẢN PHẨM

Việc thay đổi danh mục sản phẩm cung cấp ra thị trường là tham vọng của Ban Lãnh Đạo Siam Brothers Việt Nam trong suốt những năm vừa qua.

Khởi đầu từ dây thừng dùng trong đánh bắt và nuôi trồng, tuy nhiên khi tiếp cận với thị trường, Ban lãnh Đạo nhận thấy sản phẩm dây thừng với những ưu điểm vượt trội có thể thay thế một số loại dây trong các lĩnh vực khác nhau. Tuy nhiên việc biến ý tưởng đến thực tế là một đoạn đường dài, đòi hỏi sự kiên trì và nỗ lực của toàn thể CBCNV. Trong lĩnh vực truyền thống, cái tên Siam Brothers Việt Nam đã quá quen thuộc, là bảo chứng cho chất lượng sản phẩm, dây thừng nhãn hiệu Con Gà được ngư dân tin tưởng dùng cho những vị trí quan trọng trên tàu thuyền trong những chuyến đi khơi xa, sau đó là các dòng sản phẩm dây thừng Hải mã cũng được chấp nhận dùng ở trên tàu thuyền đánh bắt gần bờ hoặc những vị trí ít quan trọng hơn. Với giá thành cao hơn hẳn đối thủ, Công ty đã rất nỗ lực duy trì vị thế của mình trong thị trường cạnh tranh khốc liệt, với sự gia nhập của nhiều tên tuổi khác nhau. Khách hàng giờ đây với nhiều sự lựa chọn hơn, ngày càng khắt khe hơn với các sản phẩm đưa ra thị trường, nên trong những năm vừa qua, Công ty dần thay

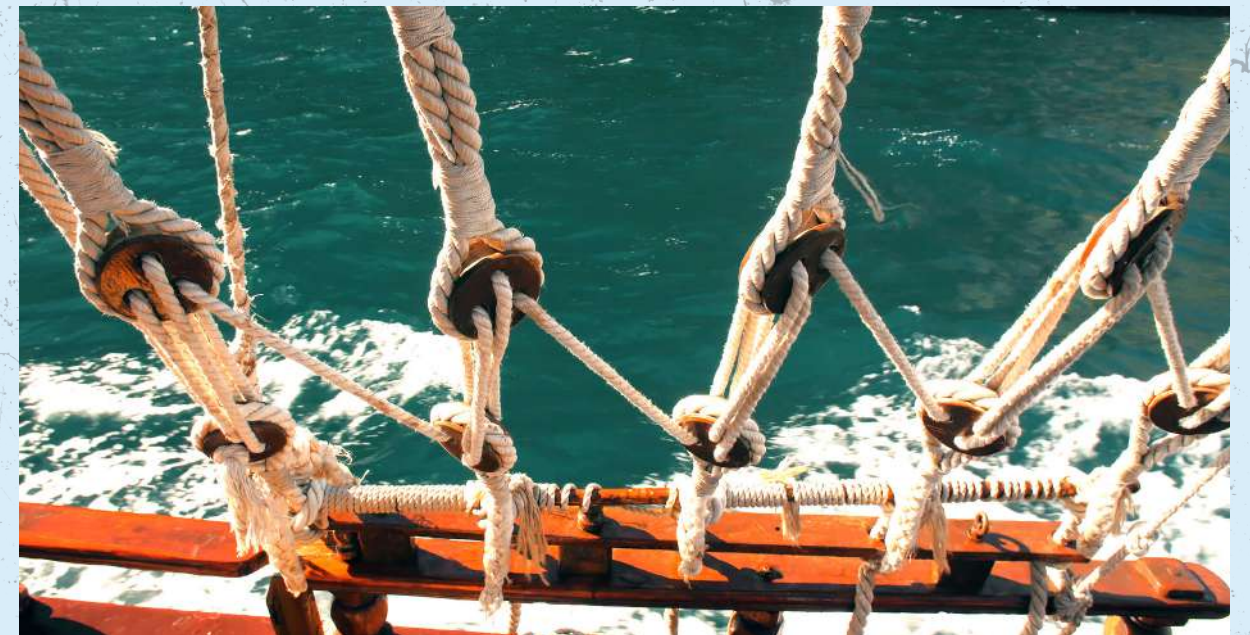
đổi phương thức kinh doanh, không phải chỉ cung cấp cho thị trường những sản phẩm là thế mạnh của Công ty, mà là cung cấp những sản phẩm mà thị trường yêu cầu, danh mục sản phẩm dây thừng liên tục thay đổi trong các năm qua, tùy theo phương thức đánh bắt và nuôi trồng của ngư dân, cứ có yêu cầu là Siam Brothers Việt Nam lại lao vào nghiên cứu và thử nghiệm, Công ty luôn đánh giá cao sự trải nghiệm của khách hàng.

Với mong muốn trở thành nhà cung cấp hậu cần nghề cá lớn nhất Việt Nam, trong những năm qua Công ty đã giới thiệu với người tiêu dùng một số mặt hàng khác phục vụ trên tàu đánh bắt, tuy nhiên phải đến năm 2019 thì những sản phẩm được Công ty phân phối mới được ngư dân tin tưởng và đón nhận. Các sản phẩm dầm nhón, lưới đánh cá, khay nhựa, bơm chìm, đèn... đã được nhập khẩu hoặc tự sản xuất để đáp ứng nhu cầu của ngư dân. Các sản phẩm này đều được Siam Brothers Việt Nam cam kết bảo hành, đều gắn với thương hiệu Siam Brothers Việt Nam, điều này cũng nhắc nhở Ban Lãnh Đạo trong các quyết định của mình, tất cả đều phải hướng đến người tiêu dùng, chất lượng sản phẩm phải cam kết đảm bảo ở mức cao nhất, theo đúng tiêu chí hoạt động trong hơn 20 năm hình thành và phát triển của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng mạnh dạn lấn sân vào thị trường mới, nhằm tối ưu hiệu quả sản xuất của Công ty, dù biết rằng việc tấn công vào một thị trường mới mà người sử dụng chưa biết đến thương hiệu Siam Brothers Việt Nam là một quyết định khá liều lĩnh. Sản phẩm

dây nông nghiệp, với dòng sản phẩm dây cột rơm, dây cột chuối, dây nhà kính lần lượt được đưa ra thị trường. Nông dân đã quen với các sản phẩm truyền thống, hoặc đã quen với thương hiệu dây khác, Công ty đã phải nỗ lực rất nhiều lần mới có thể giới thiệu sản phẩm vào thị trường. Cũng như sản phẩm truyền thống, Công ty luôn đặt sự trải nghiệm của khách hàng là yếu tố quan trọng hàng đầu, có trải nghiệm thì người dùng mới biết được chất lượng của dây do Siam Brothers Việt Nam sản xuất. Bắt đầu từ những thử nghiệm ở thị trường dây cuộn rơm ở miền Tây, rồi đến khu vực miền Trung, bắt đầu từ những trang trại trồng chuối có uy tín của một số cá nhân, đến cuối năm 2019, sản phẩm của Công ty đã được các doanh nghiệp nông nghiệp lớn đón nhận, các đơn hàng cũng đều đặn hơn trước, ghi nhận sự nỗ lực của toàn thể Ban Lãnh Đạo và CBCNV của Công ty CP Siam Brothers Việt Nam.

Bức tranh mô hình kinh doanh mới đã được vẽ lại, tuy còn nhiều điểm thiếu sót sẽ còn phải cải thiện và bổ sung, nhưng đã được thành hình từ chính sự quyết tâm thực hiện ước mơ thay đổi của từng cá nhân trong Công ty, là lời cam kết với cổ đông về tương lai phát triển của Công ty khi ngành nghề hoạt động của Công ty quá hẹp, lại chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố cả khách quan lẫn chủ quan. Ban Lãnh Đạo Công ty xác định sẽ còn rất nhiều việc cần phải hoàn thành trong năm 2020, nhưng những viên gạch đầu tiên đã được đặt xuống, thì nhất định phải cố hết sức để hoàn thiện ước mơ.



## 1. ERP

Đón đầu xu thế công nghiệp hóa 4.0, kể từ năm 2017 SBVN đã mạnh dạn đầu tư 1 triệu Đô la vào việc triển khai phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP trên nền tảng đám mây. Phần mềm chính thức Go-Live vào tháng 5 năm 2018, kể từ đó trở thành một công cụ đắc lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với các phân hệ Sản xuất, Bán hàng, Kế toán - Tài chính, Mua hàng, Chuỗi cung ứng, toàn bộ hệ thống Công ty hoạt động trên một cơ sở dữ liệu duy nhất, đảm bảo tính nhất quán, nhanh chóng và khép kín từ sản xuất đến bán hàng. Với ERP, dữ liệu của Công ty được đảm bảo về mặt an ninh, bởi dữ liệu được lưu trữ và bảo mật trên đám mây do Oracle

- một thương hiệu lừng lẫy của giới công nghệ - quản lý và cập nhật thường xuyên. Khi ứng dụng Oracle ERP Cloud, các rào cản thông tin giữa các phòng ban đã được gỡ bỏ, toàn bộ hệ thống trở thành một chuỗi giá trị xuyên suốt, giúp nâng cao hiệu suất trông thấy trong suốt 2 năm vừa qua, bởi Ban Giám đốc hiện đã có thể kiểm soát chi phí hoạt động rõ ràng hơn theo thời gian thực, từ đó, hỗ trợ tốt hơn cho việc hoạch định nguồn lực của Công ty.



## 2. DMS

Sở hữu một hệ thống phân phối đơn giản, tuy nhiên, số lượng nhà phân phối và điểm bán hàng trải dài khắp 28 tỉnh duyên hải làm cho việc quản lý bán hàng trở thành một vấn đề nhức nhối của Công ty. Trên nền tảng ERP, SBVN tiếp tục phát triển mạnh mẽ các công cụ công nghệ cao để quản lý hệ thống tốt hơn. Điển hình trong số đó là DMS - phần mềm quản lý kênh bán hàng, do HQ Soft thực hiện. Nhờ có DMS, đơn đặt hàng từ khách hàng được quản lý và thực hiện theo thời gian thực, các nhà phân phối có thể tự mình lập đơn đặt hàng và dữ liệu sẽ ngay lập tức được đưa về đội ngũ kinh doanh của Công ty, thay thế các hình thức trước đây mà dữ liệu dễ bị bỏ sót như điện thoại, fax, mạng xã hội, vv... Đơn hàng được duyệt căn cứ trên công nợ đã được tích hợp từ dữ liệu kế toán trên ERP, cũng như các chương trình khuyến mãi/chiết khấu theo từng thời điểm, do đó giảm thiểu các yếu tố chủ quan và cảm tính của quá trình bán hàng. Ngoài chức năng quản lý việc bán hàng, DMS còn giúp Công ty theo dõi được tình hình kinh doanh của các nhà phân phối một cách chi tiết và chính xác khi toàn bộ dữ liệu được tích hợp trên một hệ thống duy nhất, giúp Công ty có định hướng cụ thể cho việc phát triển thị trường. Đồng thời, với DMS, hoạt động của nhân viên kinh doanh tại địa phương được quản lý một cách chặt chẽ hơn, giúp cấp quản lý có cái nhìn rõ ràng và xác định được phương thức hợp lý để phát triển nhân lực. Với hiệu quả của DMS, Công ty đang trong quá trình xem xét để mở rộng hệ thống đến tất cả các cửa hàng bán lẻ, không chỉ ở cấp độ Nhà phân phối như hiện nay.



## 3. QR CODE – TEM PHỦ CÀO

Song song với DMS, Công ty tiến hành nâng cấp hoạt động quản lý tồn kho và hàng hóa thông qua việc sử dụng mã QR cho tất cả các sản phẩm của mình. Ở thời điểm hiện tại, mỗi sản phẩm của Siam Brothers đi ra thị trường đều được quản lý theo mã QR và tem phủ cào nhằm đảm bảo chất lượng thương hiệu và tránh hàng giả. Với tem phủ cào, khách hàng có thể nhanh chóng cào thẻ và gửi mã số về tổng đài của Công ty bằng tin nhắn SMS để nhận được tin nhắn về thông tin sản phẩm. Với mã QR code, hệ thống kho của Công ty được nâng lên một tầm mới, bởi để phát huy triệt để hiệu quả của QR code, Công ty đã đầu tư một hệ thống kệ hiện đại nhằm quản lý vị trí của từng sản phẩm đến cấp độ pallet, giúp việc đáp ứng đơn hàng được tối ưu hóa và tối đa hóa khả năng lưu giữ hàng hóa trong kho. Lựa chọn đối tác cẩn trọng, Công ty đã sử dụng sản phẩm của Công ty Cổ Phần Bảo Chánh với thương hiệu "Vinarack" trong lĩnh vực Kệ chứa hàng và giải pháp lưu trữ, được đánh giá là một đối tác tin cậy trong các dự án giải pháp Kệ chứa hàng công nghiệp, Giá kệ kho, pallet thép các loại ... và là đối tác quan trọng, đáng tin cậy của nhiều Quý Khách trong và ngoài nước.



## 4. MẠNG XÃ HỘI TRONG CÔNG TÁC KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU

Trong năm 2019, với định hướng 4.0 cho mọi hoạt động, Công ty không thể bỏ qua xu hướng sử dụng mạng xã hội để phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp. Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã xây dựng và củng cố nội dung cho website chính thức của mình với các nội dung cập nhật đầy đủ về tình hình quản trị của một doanh nghiệp niềm yết, bảo đảm tính công khai và minh bạch về mặt thông tin. Ngoài ra, với đối tượng mục tiêu không chỉ là cổ đông và nhà đầu tư, Công ty cũng hướng đến việc cung

cấp một lượng thông tin đầy đủ và hữu ích cho người tiêu dùng cuối - ngư dân và nông dân, do đó, trên website hiện nay đã có thêm một số tính năng như hướng dẫn phân biệt hàng thật hàng giả, một số thắc mắc thường gặp về sản phẩm và lịch thủy triều.



<https://www.siambrothersvn.com/>

Nắm bắt xu thế sử dụng mạng xã hội tại thị trường Việt Nam, Công ty đã tạo trang Facebook với các thông tin cập nhật liên tục, đồng thời, các đối tượng người sử dụng được mời tham gia các nhóm chuyên môn cụ thể, tránh thông tin bị xao lãng và bỏ sót. Qua các nhóm này, nhân viên Công ty có thể dễ dàng tiếp cận, trao đổi và nắm bắt thông tin trực tiếp từ người tiêu dùng cuối, từ đó có những hoạch định phù hợp về sản phẩm. Bên cạnh đó, chức năng chatbot có thể đảm bảo rằng mọi thắc mắc và yêu cầu của người tiêu dùng đều được đáp ứng tức thời.



[https://www.facebook.com/SIAM-Brothers-VN-1426136427633679/?\\_tn=%2Cd%2CP-R&eid=ARCx4VVTu-U\\_5rn8a7YChR3Qlmi0H75j0uWXfE33hSJdZo0n5FRPt22iuC-Cm540FJnni2aT2lZlTwbA](https://www.facebook.com/SIAM-Brothers-VN-1426136427633679/?_tn=%2Cd%2CP-R&eid=ARCx4VVTu-U_5rn8a7YChR3Qlmi0H75j0uWXfE33hSJdZo0n5FRPt22iuC-Cm540FJnni2aT2lZlTwbA)

Bên cạnh Facebook, Zalo cũng là một kênh xã hội đa người dùng phù hợp cho mục đích quảng bá thông tin, phát triển thương hiệu. Hiện tại kênh chính thức của Công ty đã được kích hoạt và đã được sử dụng cho việc thông báo các chính sách, chương trình của Công ty đến người tiêu dùng một cách nhanh chóng với độ tương tác cao.

## 5. CÔNG CỤ HỖ TRỢ VẬN HÀNH - QUẢN TRỊ

Trong thời đại 4.0, bộ máy quản trị xác định rõ ràng thông tin là yếu tố cốt lõi, và tốc độ là yếu tố sống còn của mọi doanh nghiệp. Nhằm mục đích theo dõi các thông tin, phân tích súc tích và tổng quát nhất theo thời gian thực, SBVN sử dụng thêm Tableau bên cạnh ERP, nhằm có một cái nhìn cụ thể nhất về mọi khía cạnh hoạt động. Là một phần mềm hỗ trợ phân tích và trực quan hóa dữ liệu để sử dụng cho mọi đối tượng người dùng, Tableau đang hỗ trợ hiệu quả cho quá trình ra quyết định của đội ngũ quản lý.

Ở cấp độ hoạt động thường ngày, Công ty cũng tối đa việc sử dụng các phần mềm giúp nâng cao hiệu quả quản trị như phần mềm nhân sự HRM, phần mềm lưu trữ dữ liệu MISA AMIS, đồng thời xem xét triển khai thêm các giải pháp văn phòng online để tối đa hóa hiệu suất. Đáng chú ý, những tháng cuối 2019, SBVN đã đưa vào sử dụng hệ thống Office Robot nhằm tự động hóa hoàn toàn nghiệp vụ thường nhật có logic cố định và tương tác với hệ thống ERP, qua đó giúp giảm thời gian và chi phí so với trước kia.



**TÁI CẤU TRÚC  
QUẢN TRỊ!  
DOANH  
NGHIỆP**



## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ ĐẾN THÁNG 3/2020

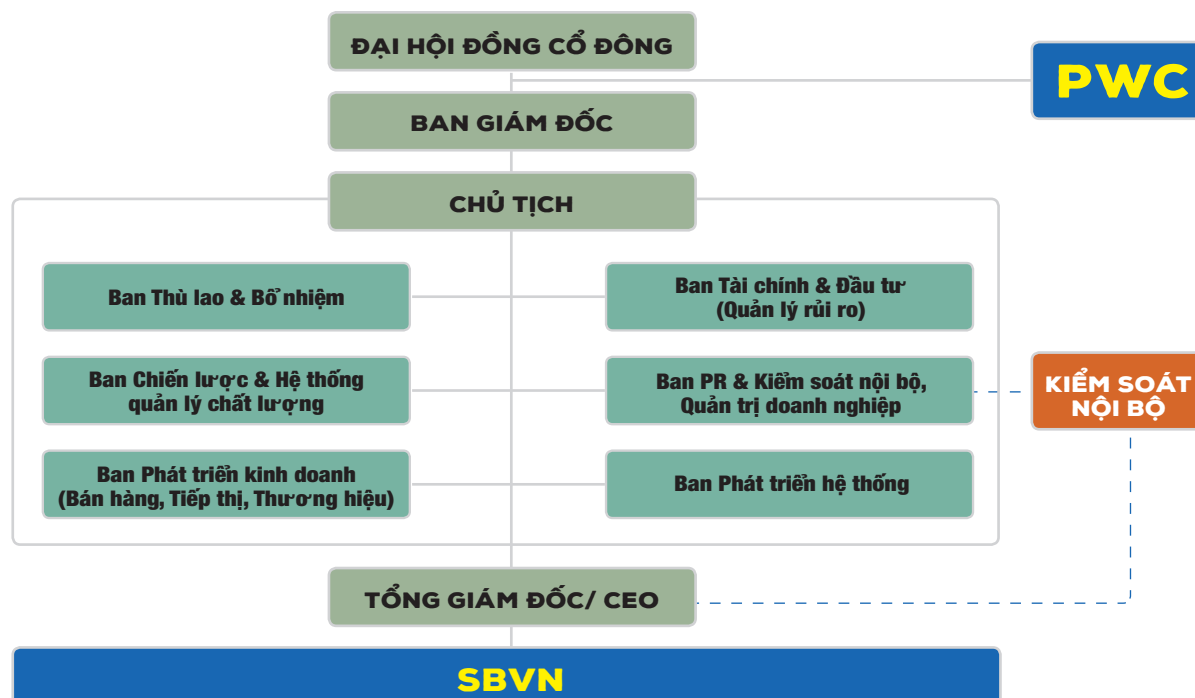
### THỐNG KÊ NHÂN SỰ

| STT | TIÊU CHÍ                | SỐ LƯỢNG | TỶ TRỌNG |
|-----|-------------------------|----------|----------|
|     |                         | NGƯỜI    | %        |
| I   | Theo trình độ lao động  | 449      | 100%     |
| 1   | Trên đại học            | 4        | 0.89     |
| 2   | Trình độ đại học        | 89       | 19.82    |
| 3   | Trình độ cao đẳng       | 48       | 10.69    |
| 4   | Trung cấp chuyên nghiệp | 51       | 11.36    |
| 5   | Lao động phổ thông      | 257      | 57.24    |
| II  | Theo hợp đồng lao động  | 449      | 100%     |
| 1   | Toàn thời gian          | 449      | 100      |
| 2   | Bán thời gian           | 0        | -        |
| III | Theo giới tính          | 449      | 100%     |
| 1   | Nam                     | 321      | 71.49    |
| 2   | Nữ                      | 128      | 28.51    |

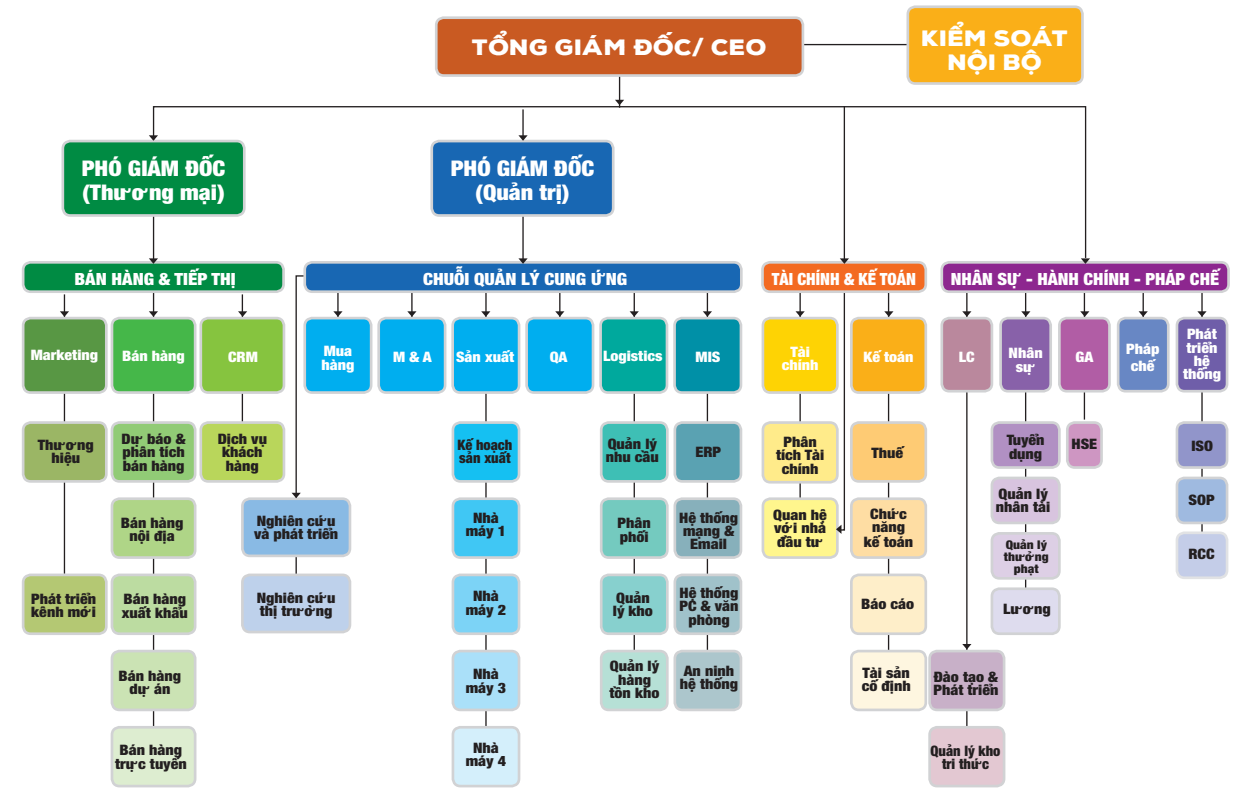
## CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ

Công ty được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty Cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan. Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình dưới đây:

### SƠ ĐỒ CƠ CẤU QUẢN LÝ

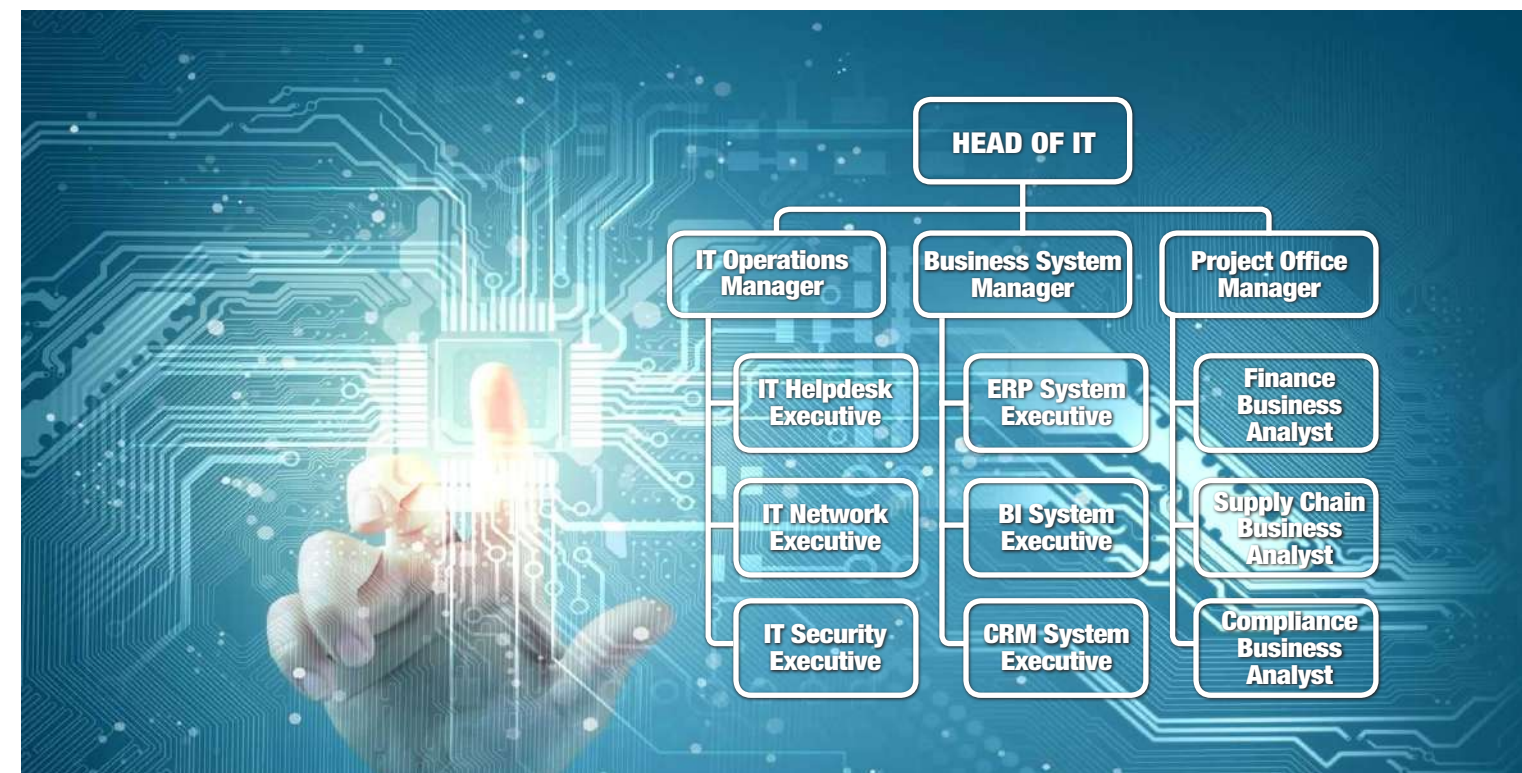


## SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC



Kể từ 2019, Công ty đã vạch rõ định hướng và tầm nhìn trở thành một công ty sản xuất đi đầu trong ứng dụng công nghệ cao. Để đảm bảo sự suôn sẻ cho toàn bộ quá trình chuyển đổi, Công ty đã xác định yếu tố cốt lõi cho mọi hoạt động áp dụng công nghệ thông tin là đội ngũ nhân lực. Với định hướng này, Công ty đã và đang tuyển dụng nhân sự để lấp đầy sơ đồ tổ chức được hoạch định riêng cho khối Công nghệ thông tin như sau:

### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC DỰ KIẾN CHO KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**

(Cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 21/2/2020)

| STT              | Đối tượng                      | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông<br>Shareholding structure |            |
|------------------|--------------------------------|-------------------|------------------|------------------|--|------------|
|                  |                                |                   |                  |                  | Tổ chức                                  | Cá nhân    |
| 1                | Cổ đông Nhà nước               | 0                 | 0                | 0                | 0  | 0          |
| 2                | Cổ đông lớn                    | 17902909          | 65.4             | 1                | 1  |            |
|                  | Trong nước                     | 17902909          | 65.4             | 1                | 1  |            |
|                  | Nước ngoài                     | 0                 | 0                | 0                | 0  | 0          |
| 3                | Công đoàn Công ty              | 0                 | 0                | 0                | 0  | 0          |
|                  | Trong nước                     |                   |                  |                  |  |            |
|                  | Nước ngoài                     |                   |                  |                  |  |            |
| 4                | Cổ phiếu quỹ                   | 60.000            | 0.2              | 1                | 1  |            |
| 5                | Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi | 0                 | 0                | 0                | 0  | 0          |
| 6                | Cổ đông khác                   | 9.403.567         | 24.5             | 476              | 17                                       | 459        |
|                  | Trong nước                     | 4.443.683         | 16.9             | 442              | 9  | 433        |
|                  | Nước ngoài                     | 4.959.884         | 7.4              | 34               | 8  | 26         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                | <b>27.366.476</b> | <b>100</b>       | <b>481</b>       | <b>19</b>                                | <b>462</b> |

**CỔ PHẦN**

DVT: CỔ PHIẾU

|  |             |
|--|-------------|
| SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN BÁN RA CÔNG CHÚNG       | 27.366.476  |
| SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN PHỔ THÔNG ĐANG LƯU HÀNH | 27.306.476  |
| CỔ PHIẾU QUỸ                             | 60.000      |
| MỆNH GIÁ CỔ PHẦN                         | 10.000 ĐỒNG |

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN**

| STT | Đối tượng  | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông |         |
|-----|--|-------------------|------------------|------------------|----------------|---------|
|     |  |                   |                  |                  | Tổ chức        | Cá nhân |
| 1   | Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN/ | 17.902.909        | 65.4             | 1                | 1              |         |
|     | Trong nước   | 17.902.909        | 65.4             | 1                | 1              |         |
|     | Nước ngoài   | 0                 | 0                | 0                | 0              | 0       |
| 2   | NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên                |                   |                  |                  |                |         |
|     | Trong nước   |                   |                  |                  |                |         |
|     | Nước ngoài   |                   |                  |                  |                |         |
| 3   | NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL                             | 1.192.569         | 4.3              | 13               | 13             |         |
|     | Trong nước   | 200.298           | 0.7              | 4                | 4              |         |
|     | Nước ngoài   | 992.271           | 3.6              | 8                | 8              |         |

## GIỚI THIỆU HĐQT

**ÔNG VEERAPONG SAWATYANON**{CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ}

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư  
- Quá trình công tác:  
+ 1995 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Siam Brothers VN.  
+ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.  
+ Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu Tư Thông Minh.

**ÔNG ITTHAPAT SAWATYANON**{THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ}

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư  
- Quá trình công tác:  
+ 1995 - 6/2015: Thành viên HĐQT 6/2015 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Siam Brothers VN.  
+ Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT.

**ÔNG HUỲNH TIẾN VIỆT**{THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ}

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư  
- Quá trình công tác:  
+ 1994-1996: Phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Đức Thành.  
+ 1996-2014: Giám đốc kinh doanh Công ty CP Siam Brothers VN  
+ 2014 - nay: Giám đốc điều hành Công ty CP Đầu tư Thông Minh  
+ Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT.

**ÔNG LÊ TRẦN ANH TUẤN**{THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ}

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân  
- Quá trình công tác:  
+ 1996-2000: Trợ lý Giám đốc nhà máy Công ty CP Siam Brothers VN  
+ 2001-2013: Giám đốc nhà máy Công ty CP Siam Brothers VN  
+ 2009 - nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Siam Brothers VN  
+ Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT.

**BÀ NGÔ TỪ ĐÔNG KHANH**{PHÓ CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ}Trình độ chuyên môn: Cử nhân  
Quá trình công tác:

1995-nay: Giám đốc Thương hiệu và Đối ngoại truyền thông Công ty CP Siam Brothers VN  
3/2016 - nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Sinh Thái Siam  
8/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VFD  
2/2018 - nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Siam Brothers VN  
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Thương hiệu và Đối ngoại truyền thông.  
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp sinh thái Siam; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VFD; Giám đốc Công ty TNHH ITMS Việt Nam; Giám đốc Công ty TNHH TM DV Quảng cáo và Du lịch Đông Dương

**ÔNG LÊ PHỤNG HÀO**{THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ}

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh  
- Quá trình công tác:  
+ 1991-2003: Thành viên Hội đồng thành viên, Phó TGD Công ty SXHTD Bình Tiên (BITIS)  
+ 2003 -2010: Phó Tổng Giám đốc tập đoàn Kinh Đô (KDC)  
+ 2009-2014: Thành viên HĐQT độc lập và cố vấn Chủ tịch HĐQT tập đoàn Hoa Sen  
+ 2010 - nay: Chủ tịch hội Marketing Việt Nam (VMA)  
+ 2014 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Siam Brothers VN  
+ Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT.

**ÔNG NGUYỄN TRƯỜNG HẢI**{THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ}

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh.  
- Quá trình công tác:  
+ 1998-2001: Quản lý sản xuất - Công ty Nec/ Tokin Việt Nam  
+ 2001-2008: Quản lý Nhà máy Ba Vì - Công ty Nestle Việt Nam.  
+ 2008-2010: Quản lý sản xuất - Công ty Intel Products Việt Nam.  
+ 2010 - nay: Phó Chủ tịch Chuỗi cung ứng & Sản xuất Công ty Cổ phần Công nghiệp Vĩnh Tường và Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Hiệp Phú.  
+ 2014 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Siam Brothers VN.  
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT.

**ÔNG TRẦN THANH LONG**

{PHÓ GIÁM ĐỐC THƯƠNG MẠI}

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh  
- Quá trình công tác:  
+ 2016 - nay: Phó Giám đốc thương mại Công ty CP Siam Brothers VN  
+ 2012-2016: Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP Siam Brothers VN  
+ 2010-2012: Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty xi măng Công Thanh.  
+ 2007-2010: Giám đốc kinh doanh công ty TNHH Gạch men Vicera.  
+ 2005 -2007: Trưởng VPDD Gold Success Industries tại VN.  
+ 2002-2005: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia.

**ÔNG NGUYỄN ĐỨC HUY**

{GIÁM ĐỐC SẢN XUẤT}

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư  
- Quá trình công tác:  
+ 2015 - nay: Giám đốc sản xuất Công ty CP Siam Brothers VN.  
+ 2001-2013: Giám đốc sản xuất Công ty TNHH Maruel VN.  
+ 1997-1999: Kỹ sư tại Công ty TNHH Phân bón miền Nam.

**BÀ ĐẶNG THỊ MỸ KIM**

{KẾ TOÁN TRƯỞNG}

- Trình độ chuyên môn: Kế Toán/ Kiểm Toán  
- Quá trình công tác:  
5/2016 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP Siam Brothers VN  
+ 2008 -2016: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quảng cáo Nhất Phát.  
+ 2003 -2008: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quảng cáo Phong Cách.  
+ 2000 -2003: Kế toán viên tại Công ty TNHH Quảng cáo Phong Cách.

## GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC

## 1. BÁO CÁO HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2019

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2020 ở thời điểm hiện tại gồm 07 thành viên được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 bầu, bầu bổ sung trong năm 2016 và sau khi điều chỉnh giảm số lượng thành viên năm 2018 với 2 thành viên từ nhiệm. Tuy nhiên, HĐQT vẫn duy trì các cuộc họp định kỳ để kịp thời đưa các quyết định phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Số lượng và tỷ lệ tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị của các thành viên Hội đồng quản trị cũng như nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm được tóm tắt như sau:



| NGÀY       | THÀNH PHẦN THAM DỰ | NỘI DUNG CHÍNH   |
|------------|--------------------|--|
| 23/01/2019 | 100%               | Xem xét kết quả kinh doanh 2018, kế hoạch kinh doanh và ngân sách 2019, điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Nhà máy số 3 và số 4, xem xét chương trình Đại hội đồng cổ đông 2019  |
| 11/04/2019 | 86%                | Thống nhất việc thuê tài chính thông qua hình thức leaseback tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN Chi nhánh TPHCM một số máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam Số 3 |
| 15/04/2019 | 86%                | Thông qua việc đầu tư tài sản cố định thông qua thuê tài chính tại Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (VILC)   |
| 03/06/2019 | 100%               | Thông qua giao dịch với bên liên quan  |
| 05/07/2019 | 86%                | Phê duyệt khoản vay, hợp đồng cho vay giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn  |
| 19/07/2019 | 100%               | Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường   |
| 15/08/2019 | 100%               | Thông qua Phương án kinh doanh năm 2019 và Phương án sử dụng vốn cung cấp cho Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam  |
| 20/09/2019 | 86%                | Thống nhất việc thuê tài chính thông qua hình thức leaseback tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN Chi nhánh TPHCM một số máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam Số 2 |
| 05/12/2019 | 100%               | Thông qua giao dịch với các bên liên quan trong năm 2019   |

Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Ban Giám đốc: Kể từ tháng 3/2019, chức vụ Tổng Giám đốc được kiêm nhiệm bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị, do đó, các nghị quyết của Hội đồng quản trị đưa ra được thực hiện nhanh chóng và giám sát sát sao hơn, hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản trị và hoạt động. Các chức vụ cùng cấp như Giám đốc nhà máy, Giám đốc nhân sự và Phó Giám đốc thương mại làm việc trực tiếp cùng Chủ tịch HĐQT trong việc xây dựng các quyết sách và triển khai thực thi, do đó, toàn hệ thống vận hành trơn tru hơn và hiệu suất công việc cao hơn rõ rệt.



## 2. BÁO CÁO CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban Thù lao & Bổ nhiệm: trong năm 2018, tiểu ban Thù lao & Bổ nhiệm đã có những ý kiến tích cực trong việc thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty, phân định rõ các khối chức năng, tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự quản lý cấp C phụ trách các mảng chuyên môn. Bên cạnh việc tham khảo ý kiến của các chuyên gia đến từ Hiệp hội Nhân sự Việt Nam, các thành viên Tiểu ban cũng thường xuyên tham gia các hội thảo chuyên ngành nhằm cập nhật thông tin mới nhất và cố vấn cho Hội đồng quản trị trong việc thay đổi cơ cấu lương và các chính sách phúc lợi cho người lao động. Đặc biệt, tiểu ban đã có đóng góp to lớn trong việc tư vấn xây dựng mô hình tổ chức phòng Công nghệ thông tin nhằm đáp ứng các yêu cầu về mặt công nghệ của Công ty trong tương lai dài hơi.

Tiểu ban Chiến lược & Hệ thống quản lý chất lượng phối hợp cùng Ban PR, Kiểm soát nội bộ và Quản trị doanh nghiệp và Ban phát triển hệ thống tổ chức kiểm tra, rà soát lại hệ thống quy trình của Công ty, đưa ra một số điểm cải tiến phù hợp để tinh gọn hệ thống, nâng cao hiệu suất làm việc.

Tiểu ban Tài chính tăng cường kiểm soát chi phí, xác định các khoản cắt giảm cần thiết để nâng cao hiệu quả tài chính của công ty, đồng thời cân đối dòng tiền và sử dụng vốn hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh cơ cấu Công ty có sự thay đổi lớn khi có thêm Công ty con trực thuộc.

Tiểu ban Phát triển kinh doanh và Tiểu ban Phát triển hệ thống phối hợp chặt chẽ trong việc giám sát và quản lý các dự án công nghệ như DMS, QR Code, Zalo nhằm đảm bảo công việc hoàn thành đúng tiến độ, đồng thời xây dựng kịp thời công việc thường nhật bắt kịp nhịp độ triển khai của các hệ thống mới đưa vào sử dụng.



## 3. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH NĂM 2020

Nhìn nhận rõ sự biến đổi khá rõ rệt trong tình hình thị trường đầy thách thức cho các lĩnh vực ngư nghiệp, nông nghiệp, và các lĩnh vực khác, cũng như tiềm năng và hiệu quả của những sản phẩm phân phối, Công ty xác định lộ trình đi theo hướng thương mại để có thể đa dạng hóa danh mục sản phẩm và chiếm lĩnh nhiều phân khúc thị trường hơn.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đặt mục tiêu tăng trưởng như sau:

|                                | 2019 | 2020 | Tăng trưởng |
|--------------------------------|------|------|-------------|
| Doanh thu (tỷ đồng)            | 460  | 527  | 15%         |
| Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 60   | 80   | 33%         |

Kết thúc năm 2019, Việt Nam một lần nữa bỏ lỡ cơ hội được gỡ bỏ thẻ vàng IUU do vẫn còn một số hoạt động vi phạm trong đánh bắt, đồng thời Luật Thủy sản chính thức có hiệu lực, dẫn đến nhiều khó khăn cho ngành đánh bắt. Tổng sản lượng đánh bắt dự kiến vào khoảng hơn 2 triệu tấn, vẫn là một thị trường tiềm năng cho việc cung cấp các sản phẩm ngư lưới cụ do Công ty sản xuất và phân phối. Tuy nhiên, với các khó khăn nêu trên, Công ty định hướng sẽ tập trung nhiều hơn vào mảng xuất khẩu, với tỷ lệ tăng trưởng kế hoạch là 20%, trong khi số liệu tăng trưởng cho thị trường nội địa chỉ được ước tính một cách an toàn ở con số 5% với tiêu chí phát triển thị phần mới từ việc cải tiến chất lượng và thay đổi các tính chất đặc thù của sản phẩm hiện hữu.

Từ đầu năm 2020, sau sự sụp đổ của liên minh dầu mỏ OPEC - Nga là sự tụt dốc của giá dầu thô xuống mức thấp nhất trong vòng 18 năm, theo Bloomberg, kéo theo giá hạt nhựa giảm. Đây là một cơ hội cho Công ty để tích trữ hạt nhựa giá tốt, tuy nhiên, sự tích trữ này cần cân đối với cân tài chính cũng như công suất lưu trữ của hệ thống kho của Công ty và bám sát theo tình hình biến đổi của giá hạt nhựa trên toàn cầu, bởi phần lớn nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất của Công ty hiện nay đang được nhập khẩu.

Ngoài sự tăng trưởng hữu cơ, Công ty quyết tâm quản lý hiệu quả và hoàn thiện hệ thống phân phối đã được đặt nền tảng từ cuối năm 2019, hướng đến việc tiếp cận và chăm sóc đối tượng sử dụng sản phẩm cuối cùng là ngư dân và nông dân thông qua việc phát triển hệ thống logistics, đảm bảo nâng cao hình ảnh thương hiệu tại mức độ cao nhất của chuỗi cung ứng.

Thực hiện tốt mục tiêu đã đặt ra cho năm 2019 là trở thành một doanh nghiệp xanh, bảo vệ môi trường biển, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu phát triển bền vững hơn cho năm 2020, tham gia nhiều hoạt động xã hội hơn, đóng góp nhiều hơn cho cộng đồng người tiêu dùng, môi trường đặc thù hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời có những đóng góp rõ rệt hơn vào các mục tiêu phát triển bền vững trên toàn cầu.

TỪ NGÀY 1/1/2018 ĐẾN NGÀY 24/4/2018 CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM (CÔNG TY) ÁP DỤNG MÔ HÌNH CÓ HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT (BKS). TỪ NGÀY 24/4/2018, CÔNG TY ÁP DỤNG MÔ HÌNH TIỂU BAN KIỂM TOÁN (TRỰC THUỘC HĐQT) THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2014.

### THÀNH PHẦN TIỂU BAN KIỂM TOÁN

- 1- Ông LÊ PHỤNG HÀO - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập - Trưởng ban
- 2- Ông VEERAPONG SAWATYANON - Thành viên
- 3- Ông HOÀNG TƯỜNG HOÀNG - Thành viên
- 4- Bà TRẦN NGỌC DIỄM QUỲNH - Thành viên

### HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Tham gia trực tiếp trong các buổi họp của Hội đồng quản trị nhằm giám sát hoạt động của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến cho các quyết định chiến lược và đảm bảo tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông,

Giám sát tình hình hoạt động và báo cáo tài chính: tham gia trực tiếp vào việc xem xét báo cáo tài chính hàng tháng, hàng quý và báo cáo năm nhằm chỉ ra các điểm sai sót, chưa phù hợp và đóng góp ý kiến cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp dựa trên kết quả báo cáo. Hỗ trợ đóng góp ý kiến liên quan đến các lỗi thường gặp của hệ thống ERP dựa trên kinh nghiệm và thông lệ quốc tế.

Phối hợp cùng Kiểm toán độc lập tra soát các hạng mục chi phí cần sự lưu ý cao như chi phí khuyến mãi, chi phí bán hàng, quản lý trang thiết bị.

Phối hợp tổ chức kiểm kê hàng hóa, chuẩn hóa số liệu bàn giao cho bên quản lý kho vận chuyên nghiệp.

Phối hợp và hỗ trợ cho các tiểu ban thực hiện cải tiến và xây dựng các quy trình làm việc phù hợp cho doanh nghiệp, đóng góp ý kiến vào việc triển khai sử dụng ERP và các phần mềm liên kết mới triển khai tại Công ty.

Phối hợp với Chủ tịch trong việc khoanh vùng các rủi ro, đặc biệt là rủi ro kiểm soát chi phí, và phối hợp thực hiện kiểm soát, cắt giảm rủi ro thông qua việc kiểm soát các hoạt động phát sinh nhiều chi phí và trọng yếu trong hệ

thống sản xuất kinh doanh, đặc biệt thông qua việc ứng dụng công nghệ trong quản trị thông qua các phần mềm như ERP, Tableau.

### Ý KIẾN/KIẾN NGHỊ CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện tốt hoạt động giám sát và luôn hỗ trợ hiệu quả Ban Giám Đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hệ thống quy trình của Công ty cần được cải thiện và tinh gọn nhiều hơn, tránh các bước công việc bị lặp lại, tận dụng tối đa các hệ thống và phần mềm để giảm thiểu sai sót phát sinh từ con người.

Công ty cần hoàn thiện hệ thống nhân sự với năng lực và kiến thức chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc, đem lại hiệu quả cao và tiết kiệm chi phí nhân sự không hợp lý, đặc biệt tập trung vào đội ngũ nhân viên IT, làm nền tảng cho các bước phát triển thiên về công nghệ thông tin.

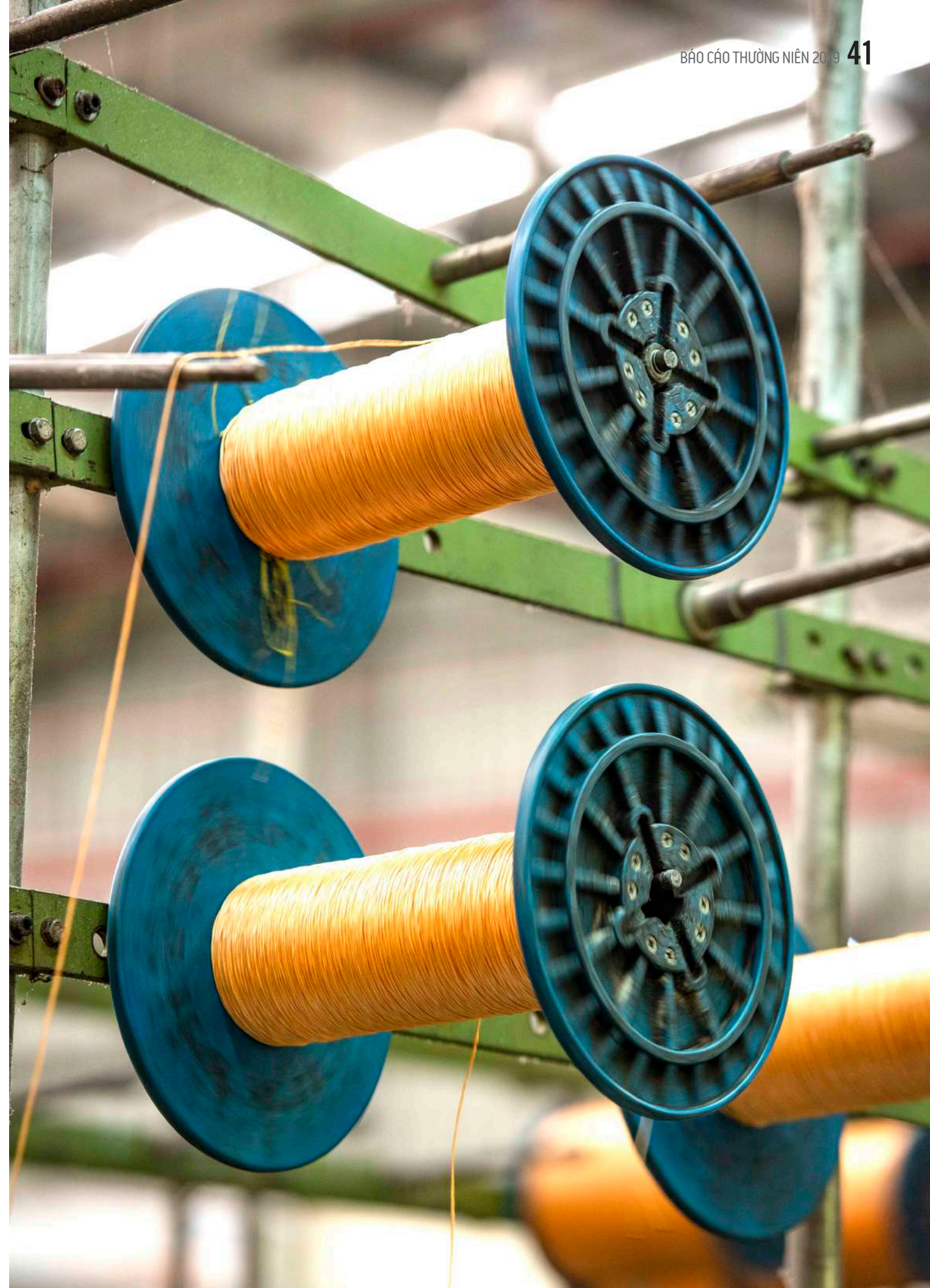
Công ty cần quản lý chi phí chặt chẽ hơn thông qua hoạt động đánh giá ngân sách định kỳ theo từng phòng ban và quản lý hệ thống thanh toán lương, đảm bảo phù hợp giữa kết quả kinh doanh và ngân sách hoạt động đã đề ra.

Kế hoạch hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán năm 2020 Tiếp tục giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị nói riêng và Công ty nói chung, hỗ trợ Ban Giám đốc trong các quyết định chiến lược nhằm đảm bảo đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Đóng góp ý kiến cho các kế hoạch và dự án sắp tới của HĐQT.

Tham gia hỗ trợ đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ Kiểm toán nội bộ có năng lực, đóng góp hiệu quả vào việc quản trị rủi ro, kiểm soát chi phí và kiểm soát tuân thủ cho Công ty.

Nâng cao vai trò và phát huy hiệu quả của hệ thống ERP trong quản trị Doanh nghiệp.



## 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BÁO CÁO

Năm 2019 là một năm có nhiều biến động lớn đối với CTCP Siam Brothers Việt Nam, cả về mặt quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh. Về mặt quản trị, Công ty không còn chức vụ Tổng Giám đốc độc lập, thay vào đó, Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc kể từ đầu năm, do đó, các hoạt động quản trị trong năm được giám sát trực tiếp bởi Chủ tịch và Hội đồng quản trị, tạo ra nhiều thay đổi mang tính chất đột phá. Về hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty quyết định theo đuổi định hướng 4.0, áp dụng nhiều phần mềm và công nghệ xuyên suốt trong toàn bộ chuỗi cung ứng, giúp tạo ra thêm giá trị gia tăng, nâng cao hiệu suất, và chuẩn bị tốt hơn cho lộ trình tương lai.

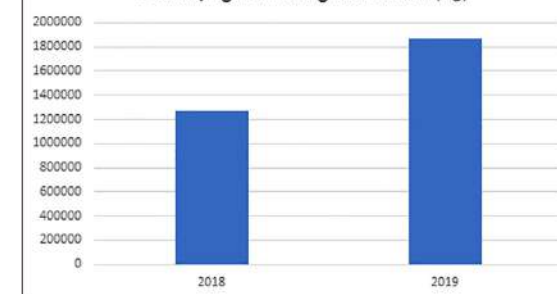
Trong bối cảnh thị trường đánh bắt cá ảm đạm trong cả năm 2019, định hướng và các quyết sách của Công ty nói trên đã chứng minh được sự đúng đắn trong việc duy trì tăng trưởng dù không bức phá, đảm bảo tất cả các khía cạnh của hoạt động sản xuất kinh doanh đều thể hiện rõ tính chất bền vững.

## 2. CÁC YẾU TỐ TRỌNG YẾU CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

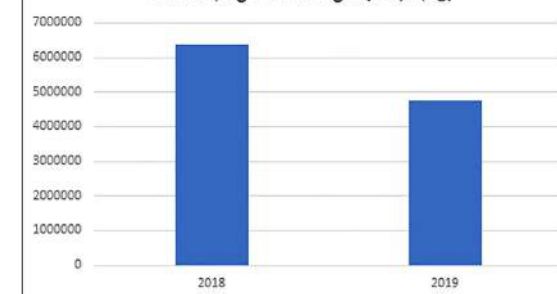
### A. KINH TẾ

Nhìn chung, thị trường đánh bắt của Việt Nam năm 2019 khá ảm đạm, các tàu đánh bắt cá nằm bờ nhiều do thua lỗ, ảnh hưởng lớn đến sản lượng thủy hải sản nói chung. Hầu hết các tỉnh trước giờ mạnh nhất về đánh bắt đều xác nhận không đạt chỉ tiêu đặt ra do số lượng tàu ra khơi sụt giảm cao nhất trong 20 năm qua. Các chính sách của nhà nước như Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách phát triển thủy sản vẫn còn nhiều bất cập trong việc triển khai do các tiêu chí cấp tín dụng chưa phù hợp, dẫn đến các tàu cá sau khi được cấp vốn lại không thể đi đánh bắt để hoàn trả khoản vốn vay này, trong khi các tàu nhỏ hơn lại không đủ điều kiện được cấp vốn vay. Bên cạnh đó, với nỗ lực tháo gỡ thẻ vàng của IUU nên trong suốt năm 2019, các hoạt động đánh bắt bị giám sát chặt chẽ, ngư dân bị cấm tuyệt đối đánh bắt ở vùng biển nước ngoài, hạn chế đánh bắt trong mùa cá sinh sản, đồng thời Chính phủ đã ban hành Nghị định 26/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, áp dụng từ năm 2019, dẫn đến khó khăn chồng chất cho nghề cá.

Sản lượng bán hàng xuất khẩu (kg)



Sản lượng bán hàng nội địa (kg)



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

| Mã số | Thuyết minh   | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm |                   |
|-------|---|---|-------------------|
|       |   | 2019 VND                                    | 2018 VND          |
| 01    | Doanh thu bán hàng                                    | 465.958.948.049                             | 470.041.419.300   |
| 02    | Các khoản giảm trừ doanh thu                          | (979.106.971)                               | (79.912.542)      |
| 10    | Doanh thu thuần về bán hàng                           | 464.979.841.078                             | 469.961.506.758   |
| 11    | Giá vốn hàng bán                                      | (312.597.447.552)                           | (296.444.036.471) |
| 20    | Lợi nhuận gộp về bán hàng                             | 152.382.393.526                             | 173.517.470.287   |
| 21    | Doanh thu hoạt động tài chính                         | 1.659.990.350                               | 2.424.952.311     |
| 22    | Chi phí tài chính                                     | (7.857.621.195)                             | (6.372.731.395)   |
| 23    | - Trong đó: Chi phí lãi vay                           | (7.739.988.476)                             | (4.415.531.398)   |
| 25    | Chi phí bán hàng                                      | (37.781.560.504)                            | (45.795.240.206)  |
| 26    | Chi phí quản lý doanh nghiệp                          | (41.320.038.638)                            | (61.196.187.166)  |
| 30    | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh               | 67.083.163.539                              | 62.578.263.831    |
| 31    | Thu nhập khác   | 219.744.224                                 | 294.925.401       |
| 32    | Chi phí khác  | (3.076.558)                                 | (5.751)           |
| 40    | Lợi nhuận khác  | 216.667.666                                 | 294.919.650       |
| 50    | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                     | 67.299.831.205                              | 62.873.183.481    |
| 51    | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | (11.432.858.395)                            | (10.507.529.060)  |
| 52    | Thu nhập/(chi phí) TNDN hoãn lại                      | 1.149.784.476                               | (93.786.302)      |
| 60    | Lợi nhuận sau thuế TNDN                               | 57.016.757.286                              | 52.271.868.119    |
| 61    | Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                     | 57.016.757.286                              | 52.271.868.119    |
| 70    | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                              | 2.088                                       | 1.819             |
| 71    | Lãi suy giảm trên cổ phiếu                            | 2.088                                       | 1.819             |

Nhận định rõ ràng về bối cảnh với kinh nghiệm đúc kết từ năm 2018, Công ty đã vạch rõ định hướng cho năm 2019 là không quá phụ thuộc vào ngư nghiệp. Thay vào đó, một loạt các mảng tiềm năng khác được Công ty nhắm đến như nông nghiệp, nuôi trồng, an toàn hàng hải, khai thác mỏ, v.v., đồng thời tập trung mở rộng các thị trường xuất khẩu. Kết quả doanh thu cho thấy đây là một chiến lược phù hợp khi sản lượng xuất khẩu tăng ấn tượng 150% so với năm 2018, đồng thời giữ cho doanh thu không quá sụt giảm so với kế hoạch năm, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động.

Ngoài ra, trong năm 2019 Công ty đã triển khai thành công hệ thống hơn 150 cửa hàng chuẩn, với những cam

kết chỉ bán và trưng bày sản phẩm của Công ty, giúp nâng cao độ trung thành của hệ thống và đặt nền tảng cho việc quản lý xuyên suốt và đồng bộ trên toàn quốc. Đồng thời, Công ty thực hiện việc quản lý hàng hóa bằng QR code và hệ thống DMS đến cấp độ Nhà phân phối, giúp quản lý hiệu quả hơn việc bán hàng, bám sát các chính sách công nợ, khuyến mãi, chiết khấu đã được đặt ra, đồng thời giám sát dòng tiền một cách chính xác và nhanh chóng, giúp quản lý thị trường tốt hơn và hiệu quả hơn. Ngoài ra, với tem điện tử kích hoạt bằng SMS, Công ty đã có thể quản lý trực tiếp đến người tiêu dùng cuối, khẳng định rõ thương hiệu và mức độ bao phủ thị trường của thương hiệu.

**B. MÔI TRƯỜNG:**

# SIAM BROTHERS VIỆT NAM CHUNG TAY CỨU BIỂN



Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất một hàng nhựa, và tập trung vào các sản phẩm chuyên dụng cho hoạt động đánh bắt cá, do đó, rác thải nhựa, đặc biệt là rác thải nhựa trên biển được xem là một trong những mối quan tâm lớn nhất của SBVN trên hành trình xây dựng một doanh nghiệp xanh và bền vững. Theo ghi nhận từ các nghiên cứu của Công ty, hơn 80% CTN có nguồn gốc từ đất liền, phần còn lại là nhựa được xả trực tiếp trên biển. 94% lượng nhựa đi vào môi trường biển, tập kết ở đáy đại dương với mật độ ước tính 70 kg/km<sup>2</sup> đáy biển, tương ứng khoảng 25,3 triệu tấn; chỉ 1% CTN trên biển được tìm thấy nổi trên bề mặt, hoặc gần bề mặt biển, với mật độ trung bình 0,74kg/km<sup>2</sup>, tương ứng khoảng 0,27 triệu tấn. Lượng rác ước tính trên các bãi biển toàn cầu lớn hơn 5 lần lượng rác nổi với mật độ rất cao 2.000kg/km<sup>2</sup> tương ứng 1,4 triệu tấn.

Trước vấn đề nhức nhối này, SBVN chủ động tìm kiếm các đối tác và chương trình phù hợp, khả thi nhằm khẩn trương triển khai các hành động để cứu lấy đại dương. Sau thời gian gấp rút tìm hiểu và thảo luận, Công ty đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Trung tâm Tình nguyện Quốc gia và các đối tác nhằm tổ chức chương trình “Hãy làm sạch biển”.

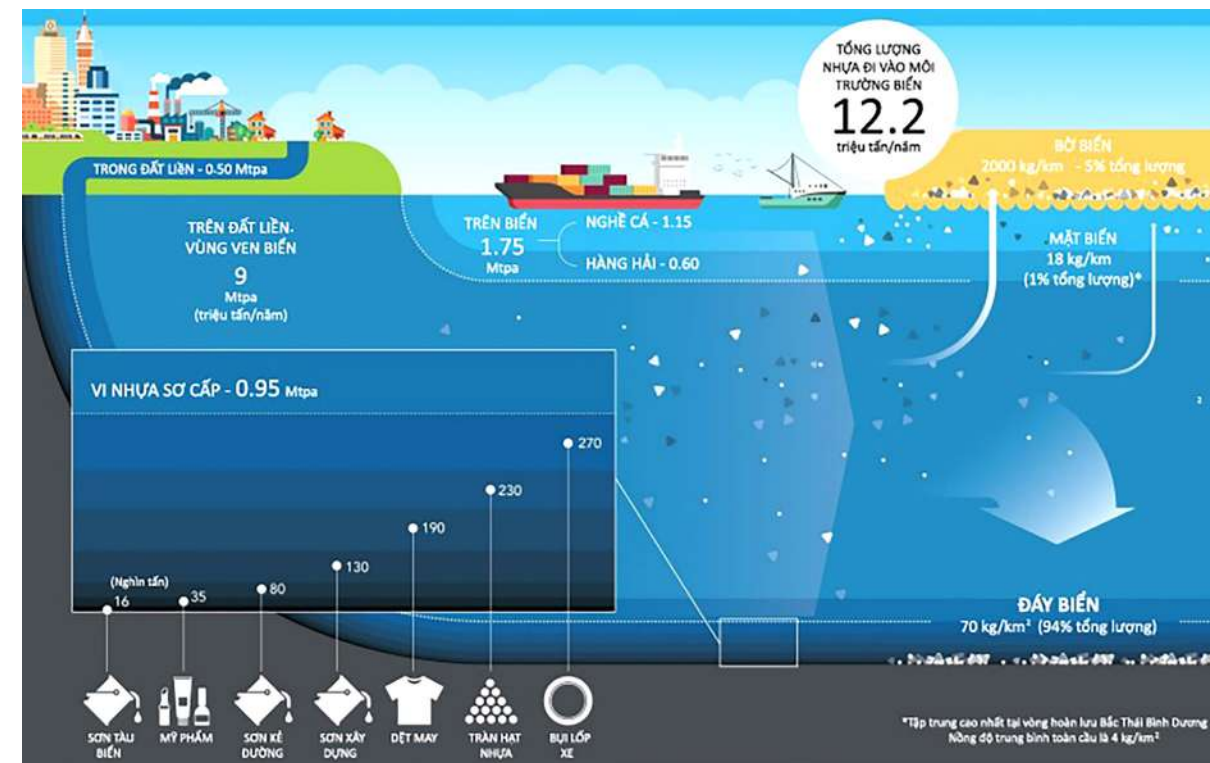
Tại buổi lễ ra quân, đại diện SBVN - Bà Ngô Từ Đông Khanh, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - đã trực tiếp tham dự và trao tặng phần quà giá trị là 280 bộ lưới trị giá 1 tỷ đồng cho 28 tỉnh, thành ven biển để thu gom rác trên mặt biển. Đây là các sản phẩm do chính Công ty làm ra và được gửi đến chính thị trường mà Công ty đang hoạt động như một lời tri ân dành cho người tiêu dùng và đóng góp một phần vào việc lan truyền thông điệp kêu gọi bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, đội ngũ cán bộ, nhân viên của Công ty cũng tham gia trực tiếp vào các hoạt động nhặt rác, làm sạch bãi biển tại cảng Sa Kỳ. Thông qua hành động này, Công ty mong muốn sự đóng góp nhân lực và vật lực nhỏ nhoi của mình có thể phần nào cải thiện được tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng tại khu vực.

Trong bài phát biểu tại buổi họp báo tổ chức tại Hà Nội trước đó và ngay trong buổi lễ ra quân, bà Đông Khanh liên tục nhấn mạnh sự nguy cấp của tình trạng xả rác thải nhựa, kêu gọi mọi người hạn chế việc sử dụng các loại sản phẩm nhựa sử dụng một lần và nâng cao ý thức về việc bảo vệ môi trường cho các thế hệ tương lai. Cụ thể, bà nhấn mạnh: “Chúng ta cần thấy 1 sự thật đơn giản thế này: tất cả những rác thải nhựa bạn vứt đi hôm nay đều sẽ quay về với bạn. Đại dương sẽ chẳng thể bị ung thư vì hạt vi nhựa, cũng chẳng vì có thêm rác mà cảm thấy buồn bã. Bệnh tật, bần thỉu, xấu xí... là tất cả những gì chúng ta đã làm, thì chúng ta phải gánh chịu. Mỗi một chiếc túi nilon ít đi, là một cơ hội để đại dương bớt ô nhiễm vì rác thải nhựa. Hãy hành động để không phải rơi vào cảnh “chúng ta sau này cái gì cũng có, chỉ là không có một đại dương xanh. Vì vậy xin hãy TỬ TẾ VỚI ĐẠI DƯƠNG!”

Nguyên vật liệu chủ yếu của công ty là nhựa PP, PE và các phụ gia khác, nên ngoài việc tạo ra sản phẩm chất lượng cao Siam Brothers VN còn chú trọng vào việc nâng cao hiệu quả sản xuất nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu nhựa, tiết kiệm năng lượng, từng bước thay thế các các loại máy móc thiết bị lạc hậu nhằm tăng năng suất và tiết kiệm năng lượng.

Để tiết kiệm năng lượng điện, công ty đã từng bước thay đổi đốt nóng bằng điện trở chuyển qua sử dụng công nghệ đốt nóng bằng điện từ.



Nguồn: Tạp chí môi trường



Bà Ngô Từ Đông Khanh, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trao tặng phần quà là 280 bộ lưới trị giá 1 tỷ đồng cho 28 tỉnh, thành ven biển để thu gom rác trên mặt biển



Cán bộ, nhân viên của Công ty tham gia các hoạt động nhặt rác, làm sạch bãi biển tại cảng Sa Kỳ

Sản phẩm của Công ty dựa trên công nghệ đùn sợi, nhựa khi ra khỏi đầu khuôn phải qua bốn nước lạnh và nước nóng nên lượng nước sử dụng khá nhiều, do đó nước sử dụng trong quá trình sản xuất đã được thu hồi lại và tiến hành lọc để sử dụng tuần hoàn tránh lãng phí tài nguyên nước.

Các loại nước thải sinh hoạt được tập trung vào bể chứa và qua hệ thống xử lý nước thải đạt các chỉ tiêu môi trường.

Xác định rõ tầm quan trọng của các yếu tố bền vững liên quan đến môi trường, Công ty còn nỗ lực duy trì việc đánh giá và giữ vững phong độ qua mỗi lần đánh giá đối với tiêu chuẩn ISO 14001:2015 về Hệ thống quản lý môi trường. Đồng thời, Công ty cũng có những cải cách trong việc quản lý chất thải và phế sản xuất để đáp ứng đúng các yêu cầu



Đại diện lãnh đạo tiếp nhận Chứng nhận ISO 14001:2015

của mô hình Zero Landfill và đã được cấp chứng nhận của tổ chức INSEE cho các kết quả đạt được.

### C. XÃ HỘI

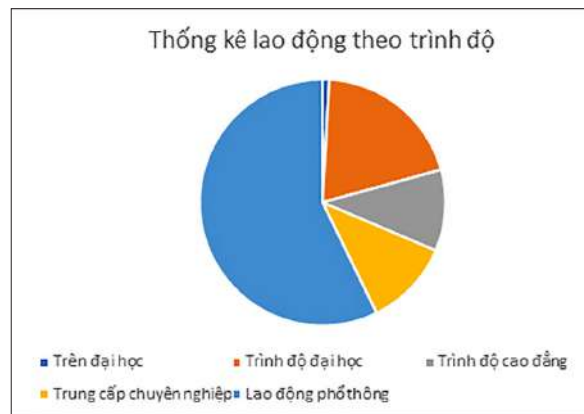
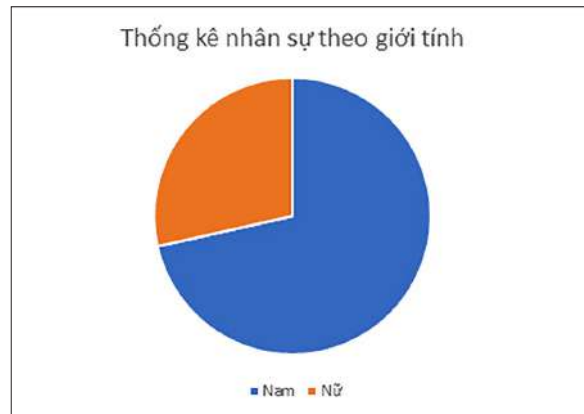
Với định hướng doanh nghiệp phát triển bền vững, Công ty đã có nhiều hoạt động xã hội trong khuôn khổ nội bộ, trong phạm vi vừa và phạm vi rộng bên ngoài Công ty.

Về mặt lao động, Công ty duy trì chính sách phúc lợi ổn định, cơ chế tăng lương định kỳ hàng năm cho toàn bộ CB-CNV, đảm bảo mức thu nhập có tăng trưởng ít nhất tương đương tỷ lệ lạm phát. Với đặc thù doanh nghiệp sản xuất, tỷ trọng lao động phân theo giới tính vẫn nghiêng nhiều hơn về phía nam giới.

Về mặt trình độ, Công ty có sự linh hoạt về mặt lựa chọn nhân sự do bản chất công việc đa dạng từ nhân viên văn phòng đến nhân viên sản xuất trực tiếp tại các nhà máy.

Để đảm bảo tính tự do lập hội và thỏa ước tập thể của người lao động, Công ty thường xuyên hỗ trợ Công đoàn về mặt kinh phí hoạt động hàng tháng, tạo điều kiện cho người lao động sắp xếp ca làm việc linh hoạt để tham gia các hoạt động do Công đoàn tổ chức.

Nhằm phát triển và duy trì tư duy kinh doanh bền vững cho mọi thế hệ nhân viên, Công ty thường xuyên duy trì các khóa đào tạo nội bộ về TPM, TQM, Kaizen, 5S, cập nhật Quy trình, Tiêu chuẩn mới để nâng cao nhận thức cho nhân viên về định hướng Công ty, giúp mọi hoạt động đi theo cùng một đường lối nhất quán, đảm bảo máy móc thiết bị được vận hành tốt, nhà xưởng gọn gàng, sạch sẽ.



Đào tạo Kaizen, 5S tại Công ty



Đào tạo cập nhật quy trình cho nhân viên trực tiếp sản xuất

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các hoạt động đào tạo bên ngoài, phối hợp với các cơ quan chuyên ngành để thực hiện các hoạt động đảm bảo mức độ nhận diện của thương hiệu, nâng cao hình ảnh thương hiệu đối với cộng đồng người tiêu dùng.

Trong năm 2019, Công ty còn ký kết biên bản ghi nhớ với

Phân viện nghiên cứu hải sản phía Nam - một đơn vị trực thuộc Nhà nước, nhằm phối hợp trong việc nghiên cứu các sản phẩm mới, tổ chức các chương trình tặng quà, tặng sản phẩm dùng thử cho cộng đồng ngư dân, giúp việc phát triển thị trường được hiệu quả hơn, đồng thời đóng góp trực tiếp vào các dự án lớn của Nhà nước về lĩnh vực thủy hải sản.



Ban lãnh đạo trực tiếp tham gia đào tạo và tặng quà cho ngư dân ở khu vực Cà Ná - Bình Thuận



Chủ tịch trao tặng 1000 quyển sách phục vụ chương trình đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng tại ĐH Nha Trang



CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

|   |  |
|---|--|
| <b>Giấy chứng nhận đầu tư</b>               | Số 411033000030 ngày 30 tháng 6 năm 2015.<br>Giấy chứng nhận đầu tư và các Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp có thời hạn hoạt động là 30 năm kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư số 1321/GP ngày 18 tháng 7 năm 1995. |
| <b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b> | Số 0300812161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 7 tháng 7 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 22 tháng 1 năm 2018.   |
| <b>Hội đồng Quản trị</b>                    | Ông Veerapong Sawatyanon Chủ tịch<br>Ông Itthapat Sawatyanon Thành viên<br>Ông Huỳnh Tiến Việt Thành viên<br>Ông Lê Trần Anh Tuấn Thành viên<br>Ông Lê Phụng Hào Thành viên<br>Ông Nguyễn Trường Hải Thành viên<br>Bà Ngô Từ Đông Khanh Thành viên           |
| <b>Ban Giám đốc</b>                         | Ông Veerapong Sawatyanon Tổng Giám đốc (từ ngày 19 tháng 4 năm 2019)<br><br>Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ.ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019, thông qua việc Chủ tịch kiêm nhiệm Tổng Giám Đốc.   |
| <b>Người đại diện theo pháp luật</b>        | Ông Veerapong Sawatyanon Chủ tịch  |
| <b>Trụ sở chính</b>                         | Tòa nhà Anna, số 10, Đường Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam  |
| <b>Văn phòng đại diện</b>                   | Tòa nhà PDD, số 162 Đường Pasteur, Phường Bến Nghé Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam   |
| <b>Công ty kiểm toán</b>                    | Công ty TNHH PwC (Việt Nam)  |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

NỘI DUNG

|   |   |
|---|---|
| Thông tin về doanh nghiệp   | 1 |
| Báo cáo của Hội đồng Quản trị                                       | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập   |   |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)                 |   |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN) |   |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)           |   |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)        |   |

TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các số sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÉ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 43. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



Veerapong Sawatyanon  
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 9 tháng 4 năm 2020



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP  
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2019 và được Hội đồng Quản trị của Công ty phê chuẩn vào ngày 9 tháng 4 năm 2020. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**pwc**

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**



Quách Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0875-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Lại Hùng Phương  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2432-2018-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM9546  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

| Mã số | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm |                 |
|-------|--|-------------|--------------------------|-----------------|
|       |  |             | 2019 VND                 | 2018 VND        |
| 100   | TÀI SẢN NGẮN HẠN                             |             | 422.226.884.977          | 428.713.841.283 |
| 110   | Tiền   | 3           | 28.992.910.276           | 57.231.401.561  |
| 111   | Tiền   |             | 28.992.910.276           | 57.231.401.561  |
| 120   | Đầu tư tài chính ngắn hạn                    |             | 375.000                  | 6.012.123.      |
| 121   | Chứng khoán kinh doanh                       |             | 573.500                  | 7.317.039.      |
| 122   | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh     |             | (198.500)                | (1.304.916.)    |
| 130   | Các khoản phải thu ngắn hạn                  |             | 220.605.317.533          | 187.782.413.    |
| 131   | Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 4           | 176.537.671.255          | 157.164.470.    |
| 132   | Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 5           | 38.388.256.008           | 29.801.165.     |
| 135   | Phải thu về cho vay ngắn hạn                 |             | 116.858.334              | 205.372.        |
| 136   | Phải thu ngắn hạn khác                       | 6(a)        | 12.897.946.534           | 7.730.611.      |
| 137   | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi           | 7           | (7.737.966.374)          | (7.521.758.)    |
| 139   | Tài sản thiếu chờ xử lý                      |             | 402.551.776              | 402.551.        |
| 140   | Hàng tồn kho                                 | 8           | 101.017.599.847          | 115.566.958.    |
| 141   | Hàng tồn kho                                 |             | 107.755.500.037          | 125.406.169.    |
| 149   | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho               |             | (6.737.900.190)          | (9.839.210.)    |
| 150   | Tài sản ngắn hạn khác                        |             | 71.610.682.321           | 62.120.943.     |
| 151   | Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 9(a)        | 3.821.326.902            | 7.270.523.      |
| 152   | Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ | 15(a)       | 67.588.122.917           | 54.849.239.     |
| 153   | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước     |             | 201.232.502              | 1.181.          |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 02 – DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

| Mã số | Thuyết minh   | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm |                   |
|-------|---|---|-------------------|
|       |   | 2019 VND                                    | 2018 VND          |
| 01    | Doanh thu bán hàng                                    | 465.958.948.049                             | 470.041.419.300   |
| 02    | Các khoản giảm trừ doanh thu                          | (979.106.971)                               | (79.912.542)      |
| 10    | Doanh thu thuần về bán hàng                           | 464.979.841.078                             | 469.961.506.758   |
| 11    | Giá vốn hàng bán                                      | (312.597.447.552)                           | (296.444.036.471) |
| 20    | Lợi nhuận gộp về bán hàng                             | 152.382.393.526                             | 173.517.470.287   |
| 21    | Doanh thu hoạt động tài chính                         | 1.659.990.350                               | 2.424.952.311     |
| 22    | Chi phí tài chính                                     | (7.857.621.195)                             | (6.372.731.395)   |
| 23    | - Trong đó: Chi phí lãi vay                           | (7.739.988.476)                             | (4.415.531.398)   |
| 25    | Chi phí bán hàng                                      | (37.781.560.504)                            | (45.795.240.206)  |
| 26    | Chi phí quản lý doanh nghiệp                          | (41.320.038.638)                            | (61.196.187.166)  |
| 30    | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh               | 67.083.163.539                              | 62.578.263.831    |
| 31    | Thu nhập khác   | 219.744.224                                 | 294.925.401       |
| 32    | Chi phí khác  | (3.076.558)                                 | (5.751)           |
| 40    | Lợi nhuận khác  | 216.667.666                                 | 294.919.650       |
| 50    | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                     | 67.299.831.205                              | 62.873.183.481    |
| 51    | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | (11.432.858.395)                            | (10.507.529.060)  |
| 52    | Thu nhập/(chi phí) TNDN hoãn lại                      | 1.149.784.476                               | (93.786.302)      |
| 60    | Lợi nhuận sau thuế TNDN                               | 57.016.757.286                              | 52.271.868.119    |
| 61    | Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                     | 57.016.757.286                              | 52.271.868.119    |
| 70    | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                              | 2.088                                       | 1.819             |
| 71    | Lãi suy giảm trên cổ phiếu                            | 2.088                                       | 1.819             |

Đặng Thị Mỹ Kim  
Người lập/Kế toán trưởng

Veerapong Sawatyanon  
Chủ tịch  
Ngày 9 tháng 4 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

| Mã số | TÀI SẢN                         | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm |                   |
|-------|---------------------------------|-------------|--------------------------|-------------------|
|       |                                 |             | 2019 VND                 | 2018 VND          |
| 200   | TÀI SẢN DÀI HẠN                 |             | 291.471.061.191          | 263.780.100.907   |
| 210   | Các khoản phải thu dài hạn      |             | 4.747.138.299            | 1.313.165.042     |
| 216   | Phải thu dài hạn khác           | 6(b)        | 4.747.138.299            | 1.313.165.042     |
| 220   | Tài sản cố định                 |             | 189.276.343.671          | 146.558.836.401   |
| 221   | Tài sản cố định hữu hình        | 10(a)       | 147.877.729.177          | 130.097.418.266   |
| 222   | Nguyên giá                      |             | 368.173.777.058          | 326.177.371.173   |
| 223   | Giá trị khấu hao lũy kế         |             | (220.296.047.881)        | (196.079.952.907) |
| 224   | Tài sản cố định thuê tài chính  | 10(b)       | 40.500.129.476           | 15.482.968.205    |
| 225   | Nguyên giá                      |             | 43.257.155.738           | 24.159.018.448    |
| 226   | Giá trị khấu hao lũy kế         |             | (2.757.026.262)          | (8.676.050.243)   |
| 227   | Tài sản cố định vô hình         | 10(c)       | 898.485.018              | 978.449.930       |
| 228   | Nguyên giá                      |             | 5.290.681.516            | 4.994.180.266     |
| 229   | Giá trị khấu hao lũy kế         |             | (4.392.196.498)          | (4.015.730.336)   |
| 240   | Tài sản dở dang dài hạn         |             | 20.918.275.680           | 41.701.063.605    |
| 242   | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 11          | 20.918.275.680           | 41.701.063.605    |
| 260   | Tài sản dài hạn khác            |             | 76.529.303.541           | 74.207.035.859    |
| 261   | Chi phí trả trước dài hạn       | 9(b)        | 70.242.327.292           | 69.069.844.086    |
| 262   | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại  | 12          | 6.286.976.249            | 5.137.191.773     |
| 270   | TỔNG TÀI SẢN                    |             | 713.697.946.168          | 692.493.942.190   |

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

| Mã số | NGUỒN VỐN                                      | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm |                 |
|-------|--|-------------|--------------------------|-----------------|
|       |  |             | 2019 VND                 | 2018 VND        |
| 300   | NỢ PHẢI TRẢ                                    |             | 222.601.561.293          | 225.333.955.418 |
| 310   | Nợ ngắn hạn                                    |             | 200.162.063.560          | 222.372.327.853 |
| 311   | Phải trả người bán ngắn hạn                    | 13          | 47.871.057.748           | 43.340.317.478  |
| 312   | Người mua trả tiền trước ngắn hạn              | 14          | 3.256.690.607            | 6.581.828.895   |
| 313   | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước            | 15(b)       | 10.441.664.537           | 5.428.928.654   |
| 314   | Phải trả người lao động                        |             | 76.605.000               | 4.261.629.664   |
| 315   | Chi phí phải trả ngắn hạn                      | 16          | 9.183.492.442            | 11.448.280.330  |
| 318   | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn              | 17          | 368.287.432              | 8.176.977.735   |
| 319   | Phải trả ngắn hạn khác                         | 18          | 16.910.795.767           | 19.435.661.752  |
| 320   | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn              | 19          | 107.570.318.815          | 115.430.356.131 |
| 322   | Quý khen thưởng, phúc lợi                      | 20          | 4.483.151.214            | 8.268.347.214   |
| 330   | Nợ dài hạn                                     |             | 22.439.497.733           | 2.961.627.565   |
| 337   | Phải trả dài hạn khác                          |             | 17.000.000               | 17.000.000      |
| 338   | Nợ thuê tài chính dài hạn                      | 19          | 22.072.419.733           | 2.485.244.064   |
| 342   | Dự phòng phải trả dài hạn                      |             | 350.078.000              | 459.383.501     |
| 400   | VỐN CHỦ SỞ HỮU                                 |             | 491.096.384.875          | 467.159.986.772 |
| 410   | Vốn chủ sở hữu                                 |             | 491.096.384.875          | 467.159.986.772 |
| 411   | Vốn góp của chủ sở hữu                         | 21, 22      | 273.664.760.000          | 273.664.760.000 |
| 411a  | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       |             | 273.664.760.000          | 273.664.760.000 |
| 412   | Thặng dư vốn cổ phần                           | 22          | 94.625.673.463           | 94.625.673.463  |
| 415   | Cổ phiếu quỹ                                   | 22          | (600.000.000)            | (600.000.000)   |
| 417   | Chênh lệch tỷ giá hối đoái                     | 22          | 14.594.981.055           | 14.907.569.048  |
| 421   | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối     | 22          | 108.810.970.347          | 84.561.984.261  |
| 421a  | - LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước |             | 51.794.213.061           | 34.903.709.548  |
| 421b  | - LNST chưa phân phối của năm nay              |             | 57.016.757.286           | 49.658.274.713  |
| 440   | TỔNG NGUỒN VỐN                                 |             | 713.697.946.168          | 692.493.942.190 |

Đặng Thị Mỹ Kim  
Người lập/Kế toán trưởng

Veerapong Sawatyanon  
Chủ tịch  
Ngày 9 tháng 4 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM**  
Mẫu số B 03a – DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số  | Thuyết minh  | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm |                  |
|--|--|---|------------------|
|  |  | 2019 VND                                    | 2018 VND         |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> |  |   |                  |
| 01   | Lợi nhuận kế toán trước thuế   | 67.299.831.205                              | 62.873.183.481   |
| Điều chỉnh cho các khoản:                      |  |   |                  |
| 02   | Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")  | 19.810.743.773                              | 17.126.503.553   |
| 03   | Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng  | (4.299.126.406)                             | 5.307.853.199    |
| 04   | Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | (395.735.106)                               | (804.629.592)    |
| 05   | Lãi từ hoạt động đầu tư  | (55.449.166)                                | (119.609.005)    |
| 06   | Chi phí lãi vay  | 7.739.988.476                               | 4.415.531.398    |
| 07   | Các khoản điều chỉnh khác  | (312.587.983)                               | -                |
| 08   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động                  | 89.796.864.793                              | 88.798.833.034   |
| Tăng các khoản phải thu                        |  |   |                  |
| 09   | (49.849.434.380)   | (62.334.510.829)                            |                  |
| Giảm(tăng) hàng tồn kho                        |  |   |                  |
| 10   | 17.650.669.104   | (62.682.009.821)                            |                  |
| (Giảm)tăng các khoản phải trả                  |  |   |                  |
| 11   | (8.590.807.142)  | 20.252.846.577                              |                  |
| Giảm(tăng) chi phí trả trước                   |  |   |                  |
| 12   | 2.276.713.713  | (2.662.596.187)                             |                  |
| Giảm(tăng) chứng khoán kinh doanh              |  |   |                  |
| 13   | 7.316.466.191  | (1.262.803.188)                             |                  |
| Tiền lãi vay đã trả                            |  |   |                  |
| 14   | (7.739.988.476)  | (4.415.531.398)                             |                  |
| Thuế TNDN đã nộp                               |  |   |                  |
| 15   | (6.022.828.501)  | (14.056.538.809)                            |                  |
| 20   | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  | 45.837.455.302                              | (38.362.309.921) |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>     |  |   |                  |
| 21   | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác                           | (44.093.094.045)                            | (70.193.825.322) |
| 22   | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác                        | 37.403.408.305                              | 5.767.001.898    |
| 24   | Tiền thu hồi cho vay   | 88.514.000                                  | 288.529.444      |
| 27   | Tiền thu lãi tiền gửi  | 55.449.166                                  | 119.609.005      |
| 30   | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  | (8.515.722.574)                             | (64.018.674)     |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>  |  |   |                  |
| 33   | Tiền thu đi vay  | 213.257.987.817                             | 183.858.117      |
| 34   | Tiền chi trả nợ gốc vay  | (228.845.575.575)                           | (123.076.617)    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM**  
Mẫu số B 09 – DN/HN

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                   | 2019 VND       | 2018 VND       |
|-----------------------------------|----------------|----------------|
| Bên thứ ba (*)                    | 12.348.501.976 | 5.685.135.841  |
| Bên liên quan (Thuyết minh 35(b)) | 26.039.754.032 | 24.116.029.552 |
|                                   | 38.388.256.008 | 29.801.165.393 |

(\*) Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, không có khoản trả trước người bán bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% tổng số dư trả trước người bán ngắn hạn.

**6 PHẢI THU KHÁC**

| (a) Ngắn hạn                                  | 2019 VND       | 2018 VND      |
|---|----------------|---------------|
| Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh 35(b)) | 3.678.244.146  | 3.454.012.506 |
| Tạm ứng cho nhân viên                         | 5.017.107.062  | 1.990.848.434 |
| Phải thu thuế GTGT từ hợp đồng thuế tài chính | 3.193.437.429  | 236.200.896   |
| Ký quỹ, ký cược                               | 732.324.000    | 301.750.000   |
| Khác  | 276.833.897    | 1.747.799.586 |
|   | 12.897.946.534 | 7.730.611.412 |

(b) Dài hạn

|                 | 2019 VND      | 2018 VND      |
|-----------------|---------------|---------------|
| Ký quỹ, ký cược | 4.747.138.299 | 1.313.165.042 |

**7 NỢ KHÓ ĐÒI**

|  | 2019            |                            |                 | Thời gian quá hạn |
|--|-----------------|----------------------------|-----------------|-------------------|
|  | Giá trị gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND    |                   |
| Arsha Thar International Co.,Ltd                     | 5.406.852.197   | 4.849.613.699              | (557.238.498)   | Dưới 1 năm        |
| Swe Myint Aung Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Tuệ Việt | 2.461.705.385   | -                          | (2.461.705.385) | Trên 3 năm        |
| Khác   | 7.169.585.817   | 4.837.480.443              | (2.332.105.374) | Trên 3 năm        |
|  | 17.425.060.516  | 9.687.094.142              | (7.737.966.374) |                   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM**  
Mẫu số B 09 – DN/HN

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.32 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.12 và Thuyết minh 10);
- Chi phí thuế TNDN (Thuyết minh 32); và
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trong tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Hội đồng Quản trị đánh giá là lý.

**3 TIỀN**

|                    | 2019 VND       | 2018 VND       |
|--------------------|----------------|----------------|
| Tiền mặt           | 793.970.568    | 440.331.210    |
| Tiền gửi ngân hàng | 28.198.939.708 | 56.791.070.120 |
|                    | 28.992.910.276 | 57.231.401.330 |

**4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|  | 2019 VND | 2018 VND |
|--|----------|----------|
|--|----------|----------|

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM**  
Mẫu số B 09 – DN/HN

**7 NỢ KHÓ ĐÒI (tiếp theo)**

|  | 2018            |                            |                 |                   |
|--|-----------------|----------------------------|-----------------|-------------------|
|  | Giá trị gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND    | Thời gian quá hạn |
| Swe Myint Aung Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Tuệ Việt | 2.461.705.385   | -                          | (2.461.705.385) | Trên 3 năm        |
| Khác   | 13.556.577.971  | 10.883.441.630             | (2.673.136.341) | Trên 3 năm        |
|  | 18.405.200.473  | 10.883.441.630             | (7.521.758.843) |                   |

**8 HÀNG TỒN KHO**

|                                     | 2019            |                 | 2018            |                 |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|                                     | Giá gốc VND     | Dự phòng VND    | Giá gốc VND     | Dự phòng VND    |
| Hàng hóa                            | 42.676.758.316  | (6.619.885.943) | 22.370.598.226  | (8.834.294.069) |
| Thành phẩm                          | 38.087.476.359  | (118.014.247)   | 63.721.066.553  | (1.004.916.596) |
| Nguyên vật liệu                     | 24.270.685.999  | -               | 36.052.729.318  | -               |
| Công cụ, dụng cụ                    | 1.647.397.148   | -               | 1.740.861.911   | -               |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 1.073.182.215   | -               | 1.303.761.233   | -               |
| Hàng mua đang đi đường              | -               | -               | 217.151.900     | -               |
|                                     | 107.755.500.037 | (6.737.900.190) | 125.406.169.141 | (9.839.210.665) |

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

|  | 2019 VND                      | 2018 VND                    |
|--|-------------------------------|-----------------------------|
| Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/tăng dự phòng (Thuyết minh 27) | 9.839.210.665 (3.101.310.475) | 5.866.597.544 3.972.613.121 |
| Số dư cuối năm   | 6.737.900.190                 | 9.839.210.665               |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM**  
Mẫu số B 09 – DN/HN

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

(a) Ngắn hạn

|                             | 2019 VND      | 2018 VND      |
|-----------------------------|---------------|---------------|
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng  | 1.093.945.678 | 3.721.432.091 |
| Chi phí sửa chữa và bảo trì | 112.435.352   | 1.415.577.262 |
| Chi phí mua bảo hiểm        | 759.184.275   | 500.277.339   |
| Khác                        | 1.855.761.597 | 1.633.237.129 |
|                             | 3.821.326.902 | 7.270.523.821 |

(b) Dài hạn

|                             | 2019 VND       | 2018 VND       |
|-----------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí thuê đất (*)        | 59.704.030.798 | 61.441.354.024 |
| Chi phí sửa chữa và bảo trì | 4.717.491.009  | 3.396.208.476  |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng  | 2.520.424.606  | 1.290.678.775  |
| Chi phí thuê phần mềm       | 264.053.952    | 720.289.178    |
| Khác                        | 3.036.326.927  | 2.221.313.633  |
|                             | 70.242.327.292 | 69.069.844.086 |

(\*) Đây là tiền thuê đất trả trước liên quan đến quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp ("KCN") Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An bao gồm:

Quyền sử dụng đất đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 31,6 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 30 tỷ đồng) (Thuyết minh 19).

Quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 23,8 tỷ đồng đã được dùng làm tài sản góp vốn hợp tác với Công ty Cổ phần VFD (bên liên quan) để thực hiện dự án xây dựng "Nhà xưởng cho thuê VFD số 9, 10" và các công trình phụ tại KCN Thái Hòa theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HĐHT/THIP-2018 ngày 21 tháng 1 năm 2019. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng.

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

|                | 2019 VND        | 2018 VND        |
|----------------|-----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm  | 69.069.844.086  | 69.448.542.866  |
| Tăng           | 10.688.351.843  | 5.302.080.054   |
| Phân bổ        | (9.515.868.637) | (5.680.778.834) |
| Số dư cuối năm | 70.242.327.292  | 69.069.844.086  |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

|  | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận tải<br>VND | Thiết bị<br>quản lý<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|--|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------|------------------|
| <b>Nguyên giá</b>  |                                  |                            |                               |                            |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019                                | 89.792.450.978                   | 225.879.317.724            | 8.582.137.961                 | 1.923.464.510              | 326.177.371.173  |
| Mua trong năm  | 4.842.715.522                    | 2.370.740.000              | 63.952.071                    | 155.831.983                | 7.233.239.576    |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11) | 6.888.101.005                    | 47.731.681.050             | 571.909.091                   | -                          | 55.191.691.146   |
| Mua lại TSCĐ thuê tài chính (Thuyết minh 10(b))            | -                                | 18.424.901.403             | -                             | -                          | 18.424.901.403   |
| Bán TSCĐ cho công ty cho thuê tài chính                    | -                                | (37.740.170.736)           | -                             | -                          | (37.740.170.736) |
| Thanh lý, nhượng bán                                       | -                                | -                          | (809.444.187)                 | -                          | (809.444.187)    |
| Khác   | (35.872.617)                     | (225.554.875)              | -                             | (42.383.825)               | (303.811.317)    |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019                              | 101.287.394.888                  | 256.440.914.566            | 8.408.554.936                 | 2.036.912.668              | 368.173.777.058  |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>                             |                                  |                            |                               |                            |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019                                | 33.416.852.460                   | 153.121.376.672            | 7.889.099.111                 | 1.652.824.664              | 196.079.952.907  |
| Khấu hao trong năm   | 4.765.001.272                    | 12.555.122.731             | 324.352.120                   | 114.031.865                | 17.768.607.988   |
| Mua lại TSCĐ thuê tài chính (Thuyết minh 10(b))            | -                                | 9.011.811.771              | -                             | -                          | 9.011.811.771    |
| Bán TSCĐ cho công ty cho thuê tài chính                    | -                                | (358.082.888)              | -                             | -                          | (358.082.888)    |
| Thanh lý, nhượng bán                                       | -                                | -                          | (788.123.730)                 | -                          | (788.123.730)    |
| Khác   | (307.114.432)                    | (1.062.037.689)            | (38.866.046)                  | -                          | (1.408.018.167)  |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019                              | 38.181.853.732                   | 164.564.266.893            | 7.914.925.281                 | 1.652.824.664              | 192.113.470.570  |
| Giá trị còn lại  | 63.105.541.156                   | 91.876.647.673             | 649.629.655                   | 384.088.004                | 176.060.306.488  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019                                | 56.375.600.518                   | 71.754.940.052             | 781.238.850                   | 266.639.846                | 165.058.419.266  |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019                              | 63.105.541.156                   | 91.876.647.673             | 649.629.655                   | 384.088.004                | 176.060.306.488  |

Giá trị còn lại  
Tại ngày 1 tháng 1

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG (tiếp theo)

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

|   | 2019<br>VND      | 2018<br>VND      |
|---|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm                                 | 41.701.063.605   | 56.866.230.528   |
| Mua sắm                                       | 36.829.854.471   | 64.121.856.783   |
| Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a)) | (55.191.691.146) | (79.213.623.706) |
| Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 10(c))  | (296.501.250)    | (73.400.000)     |
| Khác  | (2.124.450.000)  | -                |
| Số dư cuối năm                                | 20.918.275.680   | 41.701.063.605   |

12 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

|  | 2019<br>VND   | 2018<br>VND   |
|--|---------------|---------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được<br>thu hồi sau 12 tháng        | 85.606.863    | 602.844.890   |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được<br>thu hồi trong vòng 12 tháng | 6.201.369.386 | 4.534.346.883 |
|  | 6.286.976.249 | 5.137.191.773 |

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ như dự phòng và chi phí phải trả ngắn hạn.

Biến động của tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

|   | 2019<br>VND   | 2018<br>VND   |
|---|---------------|---------------|
| Số dư đầu năm   | 5.137.191.773 | 5.230.978.075 |
| Chi nhân vào báo cáo kết quả hoạt động<br>kinh doanh (Thuyết minh 32) | 1.149.784.476 | (93.786.302)  |
| Số dư cuối năm  | 6.286.976.249 | 5.137.191.773 |

29

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 TSCĐ (tiếp theo)

(c) TSCĐ vô hình

|   | Quyền sử<br>dụng đất<br>VND | Phần mềm<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|---|-----------------------------|-----------------|------------------|
| <b>Nguyên giá</b>   |                             |                 |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019                                   | 2.728.847.384               | 2.265.332.882   | 4.994.180.266    |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ<br>bản dở dang (Thuyết minh 11) | -                           | 296.501.250     | 296.501.250      |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019                                 | 2.728.847.384               | 2.561.834.132   | 5.290.681.516    |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>                                |                             |                 |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019                                   | 2.728.847.384               | 1.286.882.952   | 4.015.730.336    |
| Khấu hao trong năm  | -                           | 422.636.025     | 422.636.025      |
| Khác  | -                           | (46.169.863)    | (46.169.863)     |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019                                 | 2.728.847.384               | 1.663.349.114   | 4.392.196.498    |
| <b>Giá trị còn lại</b>  |                             |                 |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019                                   | -                           | 978.449.930     | 978.449.930      |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019                                 | -                           | 898.485.018     | 898.485.018      |

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3,2 tỷ đồng.

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

|                  | 2019<br>VND    | 2018<br>VND    |
|------------------|----------------|----------------|
| Máy móc thiết bị | 7.245.855.041  | 29.741.758.690 |
| Phần mềm         | 12.968.119.175 | 11.959.304.915 |
| Nhà máy          | 704.301.464    | -              |
|                  | 20.918.275.680 | 41.701.063.605 |

28

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 TSCĐ (tiếp theo)

(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, TSCĐ hữu hình với tổng giá trị còn lại là 45 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 30 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 19).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 142 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 139 tỷ đồng).

(b) TSCĐ thuê tài chính

Máy móc thiết bị  
VND

|   |                  |
|---|------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                               |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019                     | 24.159.018.448   |
| Thuê tài chính mới trong năm                    | 37.523.038.693   |
| Mua lại TSCĐ thuê tài chính (Thuyết minh 10(a)) | (18.424.901.403) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019                   | 43.257.155.738   |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>                  |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019                     | 8.676.050.243    |
| Khấu hao trong năm                              | 3.092.787.790    |
| Mua lại TSCĐ thuê tài chính (Thuyết minh 10(a)) | (9.011.811.771)  |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019                   | 2.757.026.262    |
| <b>Giá trị còn lại</b>                          |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019                     | 15.482.968.205   |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019                   | 40.500.129.476   |

Tập đoàn thuê máy móc thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau và cuối mỗi kỳ của hợp đồng thuê Tập đoàn có quyền chọn mua lại thiết bị theo giá thỏa thuận. Chi tiết các khoản thanh toán nợ thuê tài chính được trình bày ở Thuyết minh 19.

27

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM  
Mẫu số B 09 – DN/HN

**13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                   | 2019                  |                           | 2018                  |                           |
|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|
|                                   | Giá trị VND           | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND           | Số có khả năng trả nợ VND |
| Bên thứ ba (*)                    | 18.318.155.680        | 18.318.155.680            | 38.733.465.254        | 38.733.465.254            |
| Bên liên quan (Thuyết minh 35(b)) | 29.552.902.066        | 29.552.902.066            | 4.606.852.224         | 4.606.852.224             |
|                                   | <u>47.871.057.746</u> | <u>47.871.057.746</u>     | <u>43.340.317.478</u> | <u>43.340.317.478</u>     |

(\*) Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, không có phải trả bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư phải trả người bán ngắn hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

**14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

|            | 2019 VND             | 2018 VND             |
|------------|----------------------|----------------------|
| Bên thứ ba | <u>3.256.690.607</u> | <u>6.581.828.895</u> |

**15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

|  | Tại ngày 1.1.2019 VND | Tăng VND | Giảm VND | Tại ngày 31.12.2019 VND |
|--|-----------------------|----------|----------|-------------------------|
|  |                       |          |          |                         |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM  
Mẫu số B 09 – DN/HN

**19 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

|   | Tại ngày 1.1.2019 VND  | Tăng VND               | Giảm VND                 | Tại ngày 31.12.2019 VND |
|---|------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                                     |                        |                        |                          |                         |
| Vay ngân hàng (*)                                   | 112.411.807.009        | 213.257.987.817        | (228.845.575.575)        | 96.824.219.251          |
| Nợ thuế tài chính đến hạn trả trong vòng 1 năm (**) | 3.018.549.122          | 22.137.706.475         | (14.410.156.033)         | 10.746.099.564          |
|   | <u>115.430.356.131</u> | <u>235.395.694.292</u> | <u>(243.255.731.608)</u> | <u>107.570.318.815</u>  |
| <b>Dài hạn</b>                                      |                        |                        |                          |                         |
| Nợ thuế tài chính từ 1 năm đến 5 năm (**)           | 2.485.244.064          | 19.587.175.669         | -                        | 22.072.419.733          |

(\*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

|  | 2019 VND              | 2018 VND               |
|--|-----------------------|------------------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam         | 87.885.276.601        | 94.386.932.599         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 8.938.942.650         | -                      |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam          | -                     | 18.024.874.410         |
|  | <u>96.824.219.251</u> | <u>112.411.807.009</u> |

Các khoản vay chịu lãi suất hàng năm từ 6,0% đến 6,1% và được đảm bảo bằng nhà cửa (Thuyết minh 10(a)) và quyền sử dụng đất (Thuyết minh 9(b)) của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM  
Mẫu số B 09 – DN/HN

**16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|  | 2019 VND             | 2018 VND              |
|--|----------------------|-----------------------|
| Chi phí khuyến mãi                         | 2.161.068.484        | 6.784.945.498         |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | 403.920.000          | 3.500.000.000         |
| Lương tháng 13 (Thuyết minh 20)            | 3.785.196.000        | -                     |
| Khác                                       | 2.833.307.958        | 1.163.334.832         |
|  | <u>9.183.492.442</u> | <u>11.448.280.330</u> |

**17 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn bao gồm khoản doanh thu nhận trước tương ứng với giá trị hàng hóa khuyến mãi cho nhà phân phối trong chương trình khách hàng trung thành.

**18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                                   | 2019 VND              | 2018 VND              |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Cổ tức phải trả (Thuyết minh 23)  | 12.656.455.970        | 17.499.812.222        |
| Thù lao Hội đồng Quản trị         | 1.093.800.000         | 1.093.800.000         |
| Khác                              | 3.160.539.797         | 842.249.800           |
|                                   | <u>16.910.795.767</u> | <u>19.435.861.992</u> |
| Trong đó:                         |                       |                       |
| Bên liên quan (Thuyết minh 35(b)) | 10.731.654.300        | 17.948.229.000        |
| Bên thứ ba                        | 6.179.141.467         | 1.487.432.992         |
|                                   | <u>16.910.795.767</u> | <u>19.435.661.992</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM  
Mẫu số B 09 – DN/HN

**19 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(\*\*) Chi tiết nợ thuế tài chính như sau:

|              | 2019                       |                      |                       |
|--------------|----------------------------|----------------------|-----------------------|
|              | Tổng nợ thuế tài chính VND | Chi phí lãi VND      | Nợ gốc VND            |
| Dưới 1 năm   | 14.260.399.665             | 3.514.300.101        | 10.746.099.564        |
| Từ 1 - 5 năm | 24.904.417.050             | 2.831.997.317        | 22.072.419.733        |
|              | <u>39.164.816.715</u>      | <u>6.346.297.418</u> | <u>32.818.519.297</u> |
|              | 2018                       |                      |                       |
|              | Tổng nợ thuế tài chính VND | Chi phí lãi VND      | Nợ gốc VND            |
| Dưới 1 năm   | 3.334.904.459              | 316.355.337          | 3.018.549.122         |
| Từ 1 - 5 năm | 2.677.867.499              | 192.623.435          | 2.485.244.064         |
|              | <u>6.012.771.958</u>       | <u>508.978.772</u>   | <u>5.503.793.186</u>  |

**20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

|                            | 2019 VND             | 2018 VND             |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm              | 8.268.347.214        | 5.654.753.808        |
| Trích quỹ (Thuyết minh 22) | -                    | 2.613.593.406        |
| Sử dụng (Thuyết minh 16)   | (3.785.196.000)      | -                    |
| Số dư cuối năm             | <u>4.483.151.214</u> | <u>8.268.347.214</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM  
Mẫu số B 09 – DN/HN

**21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

(a) Số lượng cổ phiếu

|                                       | 2019 Cổ phiếu phổ thông | 2018 Cổ phiếu phổ thông |
|---------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký             | <u>27.366.476</u>       | <u>27.366.476</u>       |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành        | 27.366.476              | 27.366.476              |
| Số lượng cổ phiếu đã mua lại (60.000) | <u>(60.000)</u>         | <u>(60.000)</u>         |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành       | <u>27.306.476</u>       | <u>27.306.476</u>       |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng.  
Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

(b) Chi tiết vốn cổ phần

|  | 2019               |            | 2018               |            |
|--|--------------------|------------|--------------------|------------|
|  | Cổ phiếu phổ thông | %          | Cổ phiếu phổ thông | %          |
| Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam | 17.902.909         | 65,4       | 17.902.909         | 65,4       |
| Khác                                   | 9.463.567          | 34,6       | 9.463.567          | 34,6       |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành         | <u>27.366.476</u>  | <u>100</u> | <u>27.366.476</u>  | <u>100</u> |

(c) Tình hình biến động vốn cổ phần

|                               | Số cổ phiếu       | Cổ phiếu phổ thông VND |
|-------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018   | 27.366.476        | 273.664.760.000        |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 27.366.476        | 273.664.760.000        |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | <u>27.366.476</u> | <u>273.664.760.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

|  | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | LNST chưa phân phối VND | Tổng cộng VND    |
|--|----------------------------|--------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018                      | 273.664.760.000            | 94.625.673.463           | (600.000.000)    | 14.907.569.048                 | 75.863.423.548          | 458.461.426.059  |
| Lợi nhuận trong năm                              | -                          | -                        | -                | -                              | 52.271.868.119          | 52.271.868.119   |
| Cổ tức công bố (Thuyết minh 23)                  | -                          | -                        | -                | -                              | (40.959.714.000)        | (40.959.714.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20) | -                          | -                        | -                | -                              | (2.613.593.406)         | (2.613.593.406)  |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018                    | 273.664.760.000            | 94.625.673.463           | (600.000.000)    | 14.907.569.048                 | 84.561.984.261          | 467.159.986.772  |
| Lợi nhuận trong năm                              | -                          | -                        | -                | -                              | 57.016.757.286          | 57.016.757.286   |
| Cổ tức công bố (Thuyết minh 23) (*)              | -                          | -                        | -                | -                              | (32.767.771.200)        | (32.767.771.200) |
| Khác   | -                          | -                        | -                | (312.587.983)                  | -                       | (312.587.983)    |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019                    | 273.664.760.000            | 94.625.673.463           | (600.000.000)    | 14.594.981.065                 | 108.810.970.347         | 491.096.384.875  |

(\*) Thực hiện theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ.DHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|  | 2019 VND      | 2018 VND      |
|--|---------------|---------------|
| Lãi tiền vay                             | 7.739.988.476 | 4.415.531.398 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | -             | 1.119.698.471 |
| Lỗ do bán các khoản đầu tư tài chính     | -             | 479.681.872   |
| Khác                                     | 117.632.719   | 357.819.654   |
|  | 7.857.621.195 | 6.372.731.395 |

30 CHI PHÍ BÁN HÀNG

|                               | 2019 VND       | 2018 VND       |
|-------------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí khuyến mãi            | 9.273.579.909  | 27.434.855.213 |
| Chi phí nhân viên             | 6.395.444.383  | 6.180.099.937  |
| Chi phí vận chuyển            | 2.753.195.597  | 2.435.132.513  |
| Chi phí nghiên cứu thị trường | 1.596.116.329  | 1.808.891.500  |
| Chi phí công tác              | 478.570.460    | 482.095.224    |
| Khác                          | 17.284.653.826 | 7.454.165.819  |
|                               | 37.781.560.504 | 45.795.240.206 |

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|                           | 2019 VND       | 2018 VND       |
|---------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí nhân viên         | 22.443.851.017 | 26.948.497.905 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.040.336.729  | 2.151.992.640  |
| Chi phí thuê              | 1.807.916.469  | 3.551.159.054  |
| Chi phí dụng cụ văn phòng | 1.493.346.450  | 2.615.299.416  |
| Chi phí khấu hao          | 1.344.715.022  | 1.786.239.720  |
| Khác                      | 10.189.872.951 | 24.142.998.431 |
|                           | 41.320.038.638 | 61.196.187.166 |

38

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

23 CỔ TỨC PHẢI TRẢ

|                                 | 2019 VND         | 2018 VND         |
|---------------------------------|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm                   | 17.499.612.250   | 26.315.864.135   |
| Cổ tức công bố (Thuyết minh 22) | 32.767.771.200   | 40.959.714.000   |
| Cổ tức đã chi trả bằng tiền     | (37.610.927.480) | (49.775.965.885) |
| Số dư cuối năm (Thuyết minh 18) | 12.656.455.970   | 17.499.612.250   |

24 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

|  | 2019 VND       | 2018 VND        |
|--|----------------|-----------------|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)            | 57.016.757.286 | 52.271.868.119  |
| Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) | -              | (2.613.593.406) |
|  | 57.016.757.286 | 49.658.274.713  |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | 27.306.476     | 27.306.476      |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)                       | 2.088          | 1.819           |

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tăng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

25 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ

Khoản mục tiền đã bao gồm số ngoại tệ 1.022.698 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.822.146 Đô la Mỹ).

(b) Tài sản thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày ở Thuyết minh 36.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

26 DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG

|                                   | 2019 VND        | 2018 VND        |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|
| Doanh thu                         |                 |                 |
| Doanh thu bán thành phẩm          | 465.958.948.049 | 470.041.419.300 |
| Các khoản giảm trừ                |                 |                 |
| Hàng bán bị trả lại               | (979.106.971)   | (79.912.542)    |
| Doanh thu thuần                   |                 |                 |
| Doanh thu thuần về bán thành phẩm | 464.979.841.078 | 469.961.506.758 |

27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

|   | 2019 VND        | 2018 VND        |
|---|-----------------|-----------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán                                       | 315.698.758.027 | 292.471.423.350 |
| (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 8) | (3.101.310.475) | 3.972.613.121   |
|   | 312.597.447.552 | 296.444.036.471 |

28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|  | 2019 VND      | 2018 VND      |
|--|---------------|---------------|
| Lãi từ khoản đầu tư tài chính                                | 1.027.636.874 | 1.249.837.924 |
| Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | 395.735.106   | 804.629.592   |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện                  | 236.618.370   | 370.484.795   |
|  | 1.659.990.350 | 2.424.952.311 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN/HN

**32 THUẾ TNDN**  
Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Chi nhánh 2 của Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 2 năm đầu tiên và được giảm 50% trong 4 năm tiếp theo, tính từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động (tháng 6 năm 2014) cho hoạt động sản xuất sợi PE, sợi PP, sợi thừng bện đối với sản lượng đến 990 tấn/năm và thuế suất phổ thông áp dụng cho sản lượng vượt 990 tấn/năm. Đối với hoạt động thương mại và các hoạt động khác, Chi nhánh 2 có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất phổ thông được áp dụng.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

|   | 2019<br>VND     | 2018<br>VND     |
|---|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế  | 67.299.831.205  | 62.873.183.481  |
| Thuế tính ở thuế suất 20%   | 13.459.966.241  | 12.574.636.696  |
| Điều chỉnh:   |                 |                 |
| Chi phí không được khấu trừ   | 188.582.677     | 359.274.434     |
| Thuế được giảm  | (1.031.483.694) | (4.374.757.602) |
| Khác  | (2.333.991.305) | 2.042.161.634   |
| Chi phí thuế TNDN (*)   | 10.283.073.919  | 10.601.315.362  |
| Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: |                 |                 |
| Thuế TNDN – hiện hành   | 11.432.858.395  | 10.507.52       |
| Thuế TNDN – hoãn lại (Thuyết minh 12)   | (1.149.784.476) | 93.78           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN/HN

**35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

(a) **Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

|   | 2019<br>VND    | 2018<br>VND    |
|---|----------------|----------------|
| <b>(i) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>                              |                |                |
| Siam Holdings   | 2.600.642.853  | 2.979.166.660  |
| CTTV  |                |                |
| Công ty TNHH Thương mại dịch vụ quảng cáo và Du lịch Đồng Dương | 5.686.308.365  | 3.245.024.163  |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Việt Sơn                               | 1.222.430.826  | 606.375.536    |
| Công ty TNHH ITMS Việt Nam                                      | -              | 501.818.184    |
| Công ty Cổ phần Nông trại sinh thái Việt                        | 17.906.199.544 | 4.221.801.291  |
| Công ty Cổ phần VFD   | 7.678.593.501  | 398.327.884    |
|   | 35.094.175.089 | 11.952.513.718 |
| <b>(ii) Mua TSCĐ và tài sản khác</b>                            |                |                |
| Siam Holdings   | 28.932.696.500 | 53.255.872.944 |
| <b>(iv) Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt</b>          |                |                |
| Lương và các quyền lợi gộp khác                                 | 2.740.400.000  | 7.133.858.548  |
| <b>(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan</b>                 |                |                |
|   | 2019<br>VND    | 2018<br>VND    |
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)</b>         |                |                |
| Siam Holdings   | 3.692.800      | 45.512.800     |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp sinh thái Siam - CTTV               | 6.182.118.595  | 11.413.914.445 |
|   | 6.185.811.395  | 11.459.427.245 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN/HN

**33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                           | 2019<br>VND     | 2018<br>VND     |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Chi phí nguyên vật liệu   | 195.403.075.265 | 191.140.831.885 |
| Chi phí nhân viên         | 83.519.488.878  | 87.931.110.973  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 59.636.341.393  | 33.926.535.367  |
| Chi phí khấu hao          | 19.819.743.773  | 17.126.503.553  |
| Chi phí khác              | 59.258.041.036  | 84.594.946.859  |
|                           | 417.636.690.345 | 414.719.928.178 |

**34 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

|   | 2019<br>VND     | 2018<br>VND     |
|---|-----------------|-----------------|
| Số tiền thực thu theo khế ước thông thường            | 213.257.987.817 | 183.858.129.212 |
| Số tiền thực trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường | 228.845.575.575 | 123.076.039.212 |

**35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam ("Siam Holdings") do chiếm 65,4% vốn cổ phần của Công ty (Thuyết minh 21(b)).

(a) **Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

|                               | 2019<br>VND | 2018<br>VND |
|-------------------------------|-------------|-------------|
| <b>(i) Doanh thu bán hàng</b> |             |             |
| Công ty thành viên ("CTTV")   |             |             |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN/HN

**35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

(b) **Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

|  | 2019<br>VND    | 2018<br>VND    |
|--|----------------|----------------|
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 5)</b>                    |                |                |
| Siam Holdings  | 20.192.453.883 | 20.721.435.609 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp sinh thái Siam - CTTV                          | 54.937.000     | -              |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đồng Dương - CTTV     | 5.792.363.149  | 3.394.593.943  |
|  | 26.039.754.032 | 24.116.029.552 |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))</b>                           |                |                |
| Bà Ngô Tử Đồng Khanh - Thành viên Ông Veerapong Sawatyanon - Chủ tịch Khác | 2.234.280.551  | 2.206.840.551  |
|  | 1.057.368.705  | 1.057.368.705  |
|  | 386.594.890    | 189.803.250    |
|  | 3.678.244.146  | 3.454.012.506  |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)</b>                        |                |                |
| Siam Holdings  | 20.644.477.486 | -              |
| CTTV   |                |                |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp sinh thái Siam                                 | 8.481.608.935  | 3.111.676.420  |
| Công ty Cổ phần VFD  | 332.052.320    | 1.320.965.984  |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn                                | 70.843.323     | 171.857.520    |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đồng Dương            | 23.920.002     | 2.352.300      |
|  | 29.552.902.066 | 4.606.852.224  |
| <b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18)</b>                             |                |                |
| Siam Holdings  | 9.637.854.300  | 16.854.363.500 |
| Ông Itthapat Sawatyanon - Thành viên Khác                                  | 1.093.800.000  | 1.093.800.000  |
|  | -              | 65.550         |
|  | 10.731.654.300 | 17.948.229.050 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN/HN

**36 CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuế hoạt động không hủy ngang như sau:

|                | Thuế văn phòng và thuế xe |               |
|----------------|---------------------------|---------------|
|                | 2019<br>VND               | 2018<br>VND   |
| Dưới 1 năm     | 1.231.193.083             | 3.689.372.793 |
| Từ 1 đến 5 năm | 96.000.000                | 1.095.683.775 |
|                | 1.327.193.083             | 4.785.056.568 |

**37 CAM KẾT VỐN**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

|                      | 2019<br>VND    | 2018<br>VND    |
|----------------------|----------------|----------------|
| Nhà xưởng và máy móc | 39.267.085.183 | 34.511.406.768 |

**38 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và bán các loại dây thừng và các sản phẩm dùng trong nông nghiệp tại Việt Nam. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Tập đoàn hoạt động. Do đó, Hội đồng Quản trị của Công ty nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**39 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Sự lây lan của Virus Covid-19 từ đầu năm 2020 là một tình huống đầy khó khăn và thách thức cho tất cả các ngành nghề kinh doanh. Tập đoàn đã thực hiện đánh giá sơ bộ ảnh hưởng của vấn đề này đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn như đánh giá khả năng thu hồi tài sản, đánh giá cách ghi nhận tài sản và nợ phải trả. Tại thời điểm này, Hội đồng Quản trị của Công ty không thể ước tính một cách đáng tin cậy ảnh hưởng của vấn đề này đến kết quả tài chính trong năm tiếp theo của Tập đoàn. Tập đoàn sẽ tiếp tục theo dõi và đưa ra những biện pháp phù hợp để giảm thiểu rủi ro của vấn đề này.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Hội đồng Quản trị của Công ty phê chuẩn ngày 9 tháng 4 năm 2020.

Đặng Thị Mỹ Kim  
Người lập/Kế toán trưởng

Veerapong Sawatyanon  
Chủ tịch